



Tòa nhà FPT Cầu Giấy,
Đường Phạm Hùng, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-4) 7300 7300 Fax: (84-4) 3768 7410
www.fpt.com.vn

Báo Cáo Thường Niên 2009



“FPT đã và đang thay đổi để phát triển mạnh mẽ. Năm 2010 FPT sẽ thúc đẩy sự liên kết giữa các đơn vị thành viên để tạo thành sức mạnh tổng hợp và đưa ra những sản phẩm - dịch vụ mới hướng đến người tiêu dùng đại chúng. FPT sẽ tái cấu trúc quản trị doanh nghiệp và quản trị tài chính để hướng đến chuẩn mực quốc tế và toàn cầu hóa. Những định hướng mới này sẽ mở ra cho FPT một tương lai tươi sáng.”

Mục lục

Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị	04
Tổng quan	06
Báo cáo của Hội đồng Quản trị	30
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	34
Báo cáo tài chính	44
Quan hệ cổ đông	86
Trách nhiệm xã hội	92
Văn hóa doanh nghiệp	96





Tầm nhìn

FPT mong muốn trở thành một tổ chức kiểu mới, giàu mạnh bằng nỗ lực lao động sáng tạo trong khoa học kỹ thuật và công nghệ, làm khách hàng hài lòng, góp phần hưng thịnh quốc gia, đem lại cho mỗi thành viên của mình điều kiện phát triển tài năng tốt nhất và một cuộc sống đầy đủ về vật chất, phong phú về tinh thần.

Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị

FPT 2010 “THAY ĐỔI ĐỂ PHÁT TRIỂN”

Kính thưa Quý Cổ đông,

Bão táp khủng hoảng và suy thoái kinh tế toàn cầu là thách thức khốc liệt nhất đối với mọi doanh nghiệp Việt Nam, đặc biệt đối với FPT khi đang vươn mình ra biển lớn toàn cầu hóa. Liệu các kỹ sư phần mềm có thể làm nhiều hơn, tốt hơn, rẻ hơn, thậm chí làm không công để giữ chân khách hàng? Liệu còn có thể cắt giảm chi phí sau khi đã cắt giảm mạnh mẽ từ năm trước, trong khi vẫn cần tăng cường đầu tư cho marketing, bán hàng? Hệ thống quản trị FPT có đủ chắc chắn và mềm dẻo để đối phó với sóng cả? Liệu đội ngũ lãnh đạo và nhân viên FPT có vững tay chèo?...

Tôi vui mừng thông báo với các Quý Cổ đông: FPT đã vững vàng vượt qua thách thức đó, đạt lợi nhuận trước thuế 1.697,5 tỷ VND, tăng 37% so với năm 2008. Điều đó khẳng định vị thế và năng lực, hệ thống và con người FPT. Giờ đây chúng tôi đang đưa ra kế hoạch tăng tốc để chuẩn bị những bước tiến mạnh mẽ sau khủng hoảng.

Nền tảng của sự phát triển này chính là thay đổi. Trước hết là sự chuyển giao quyền điều hành từ tôi và các cộng sự cùng thế hệ cho thế hệ lãnh đạo trẻ hơn, đầy nhiệt huyết và tài năng, giàu kinh nghiệm và sáng tạo, để tập trung hơn vào chỉ đạo chiến lược và công tác giám sát. Các thành viên Hội đồng Quản trị chúng tôi nhận thức sâu sắc rằng, nhiệm vụ trọng yếu của mình là đem lại lợi ích to lớn và bền vững cho các Quý Cổ đông, những người mà chúng tôi vô cùng biết ơn vì đã đặt niềm tin cho chúng tôi, cho FPT.

Tiếp theo, chúng tôi đã tiến hành tái cấu trúc công tác quản trị FPT, tách bạch giữa Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc, giữa Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc, thành lập các Ủy ban hỗ trợ Hội đồng Quản trị. Việc này đã tăng tính minh bạch trong công tác chỉ đạo, điều hành công ty, tiếp tục nâng cấp công tác quản trị FPT theo các chuẩn mực quốc tế. Trong năm 2010, chúng tôi sẽ tiếp tục tái cấu trúc toàn diện hoạt động của FPT.

Một tập đoàn quy mô lớn chưa hẳn đã là tập đoàn mạnh. Tập đoàn đó chỉ mạnh khi biết huy động một cách tối ưu mọi nguồn lực từ mỗi đơn vị và thành viên của mình hướng tới phục vụ khách hàng. FPT đang thay đổi theo định hướng này. Năm 2010 là năm FPT cộng hưởng sức mạnh trong toàn Tập đoàn (Synergy).

Một thay đổi quan trọng nữa là tập trung. FPT sẽ tập trung hơn nữa vào lĩnh vực kinh doanh cốt lõi của mình, bao gồm dịch vụ công nghệ thông tin, viễn thông và nội dung số. Chúng tôi sẽ nỗ lực và sáng tạo hơn nữa để đưa ra nhiều sản phẩm và dịch vụ cho khách hàng và đồng đảo người tiêu dùng Việt Nam, đem đến cho họ những cảm hứng mới mẻ, những quyền năng tức thời. Qua đó, thương hiệu FPT trở nên gần gũi hơn, tin cậy hơn, gắn bó hơn với công dân điện tử (e-Citizen). Vì vậy, 2010 còn là năm FPT đại chúng hóa (Go mass).

Thay đổi tiếp theo là nhận thức trên con đường toàn cầu hóa. FPT chủ động tiếp cận các nguồn lực về nhân sự, công nghệ, tài chính... quốc tế, cụ thể như thay đổi Tổng Giám đốc và Giám đốc Kinh doanh tại các công ty FPT ở nước ngoài bằng các nhân sự cao cấp tại chỗ. FPT chủ động tiếp tục đem các dịch vụ, sản phẩm công nghệ thông tin truyền thống của mình ra thế giới thông qua việc các công ty thành viên liên tục mở thêm văn phòng tại nước ngoài. Về mặt nhân lực, 2010 sẽ là năm chào đón lứa sinh viên tốt nghiệp đầu tiên của Đại học FPT. Họ không chỉ có kiến thức chuyên môn và kỹ năng làm việc, mà còn có đủ trình độ tiếng Anh, tiếng Nhật để tham gia các đề án quốc tế. Tất cả đã sẵn sàng cho những đột phá trên con đường Toàn cầu hóa FPT.

Thưa các Quý Cổ đông,

FPT đã vững vàng vượt qua thách thức trong năm 2008, 2009, hai năm được coi là tồi tệ nhất của kinh tế thế giới. FPT đã và đang thay đổi để phát triển mạnh mẽ. Vị thế trên thương trường và cơ cấu ngành nghề, hệ thống quản trị và đội ngũ nhân lực, năng lực công nghệ và tiềm lực tài chính – tất cả đã sẵn sàng để FPT nắm bắt những cơ hội to lớn hơn nữa đang mở ra khi Việt Nam bước qua ngưỡng đói nghèo (thu nhập hàng năm bình quân đầu người đạt 1.000 USD). Tôi tin tưởng sâu sắc rằng FPT sẽ xứng đáng với niềm tin và sự lựa chọn của Quý Cổ đông.

Hà Nội, tháng 02/2010,



Trương Gia Bình



“Vị thế trên thương trường và cơ cấu ngành nghề, hệ thống quản trị và đội ngũ nhân lực, năng lực công nghệ và tiềm lực tài chính – tất cả đã sẵn sàng để FPT nắm bắt những cơ hội to lớn hơn nữa.”

Tổng quan

Lịch sử phát triển công ty



Thành lập ngày 13/09/1988, FPT là Tập đoàn Công nghệ thông tin và Viễn thông hàng đầu Việt Nam với các mảng kinh doanh cốt lõi là viễn thông, công nghiệp nội dung và các dịch vụ công nghệ thông tin.

FPT là doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam theo xếp hạng của VNR500 từ năm 2007 đến nay.

1988 – 1990

Tìm hướng đi

Năm 1988, 13 nhà khoa học với ước mơ thay đổi cuộc sống của bản thân và đóng góp sức mình vào sự hưng thịnh của đất nước đã thành lập Công ty Công nghệ Chế biến Thực phẩm (The Food Processing Technology Company), kinh doanh trong lĩnh vực công nghệ thực phẩm để tồn tại.

Hợp đồng cung cấp máy tính cho Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô và việc đặt quan hệ với hãng máy tính Olivetti năm 1989 là những bước đi quan trọng, tạo tiền đề cho sự ra đời của bộ phận tin học sau này.

1990-1996

Xác định tin học là lĩnh vực hoạt động chủ đạo

Ngày 27/10/1990, Công ty đổi tên thành Công ty Phát triển và Đầu tư Công nghệ (The Corporation for Financing and Promoting Technology) với định hướng kinh doanh rõ ràng là tin học.

Các trung tâm hoạt động trong lĩnh vực tin học lần lượt ra đời như: Trung tâm Hệ thống Thông tin, Xí nghiệp Giải pháp phần mềm ABC, Trung tâm Phân phối thiết bị Tin học, Trung tâm Máy tính và Thiết bị văn phòng, Trung tâm bảo hành và Trung tâm Đào tạo Tin học.

1996-1999

Trở thành công ty công nghệ thông tin số 1 Việt Nam

Bắt đầu từ năm 1996, FPT được bạn đọc của Tạp chí PC World nhiều năm liên tiếp bình chọn là Công ty tin học uy tín nhất Việt Nam. Sau 8 năm thành lập, FPT khẳng định vị trí số 1 trên thị trường tin học Việt Nam.

Năm 1996, FPT khai trương mạng thông tin “Trí tuệ Việt Nam”, hệ thống mạng intranet đầu tiên ở Việt Nam. Và ngày 13/09/1997, FPT chính thức được cấp giấy phép trở thành nhà cung cấp thông tin và cung cấp dịch vụ Internet tại Việt Nam.

1999- 2002

Toàn cầu hóa

Ngày 19/09/1999, trong Hội nghị Chiến lược, lãnh đạo FPT quyết tâm triển khai chiến lược toàn cầu hóa FPT với sự chuyển dịch trọng tâm sang xuất khẩu phần mềm.

Trung tâm Xuất khẩu Phần mềm (tiền thân của Công ty Cổ phần Phần mềm FPT) được thành lập vào năm 1999 với mục tiêu xuất khẩu phần mềm sang Châu Âu, Bắc Mỹ, Nhật Bản. Các chi nhánh FPT tại Bangalore, Ấn Độ và văn phòng FPT tại Mỹ lần lượt được thành lập vào năm 1999, 2000.

2002 – 2007

Trở thành công ty đại chúng

Tháng 03/2002, FPT đã tiến hành cổ phần hóa và chuyển tên thành Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Công nghệ FPT với số vốn 20 tỷ VND.

Ngày 13/12/2006, FPT chính thức niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh –HOSE), mở ra một trang mới trong lịch sử FPT. Ngay khi lên sàn, FPT đã trở thành một “blue chip” trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

2007 – 2008

Mở rộng các lĩnh vực đầu tư

Bên cạnh các hướng kinh doanh truyền thống, FPT mở rộng đầu tư sang các hướng kinh doanh mới như bất động sản, tài chính-ngân hàng, đào tạo, bán lẻ với sự ra đời của các công ty thành viên/liên kết hoạt động trong các lĩnh vực này.

Năm 2008, tên công ty chuyển thành Công ty Cổ phần FPT.

2009

Củng cố mô hình tập đoàn công nghệ thông tin và viễn thông

Tháng 05/2009, Hội đồng Quản trị FPT đã thông qua việc xác định các ngành nghề kinh doanh chủ chốt để làm cơ sở định hướng phát triển của Tập đoàn FPT trong tương lai gồm: viễn thông, công nghiệp nội dung và các dịch vụ công nghệ thông tin, khẳng định FPT là Tập đoàn Công nghệ Thông tin và Viễn thông.

FPT thay đổi và tái cấu trúc Tập đoàn theo hai hướng chính là quản trị doanh nghiệp và quản trị tài chính, hướng tới một hệ thống quản trị theo chuẩn quốc tế và toàn cầu hóa.

10 sự kiện nổi bật của FPT 2009

1



Thay đổi Ban Tổng Giám đốc

Tháng 04/2009 ông Nguyễn Thành Nam chính thức nhận chức Tổng Giám đốc thay ông Trương Gia Bình. Đây là bước đi đầu tiên trong kế hoạch Tái cấu trúc quản trị FPT với việc tách bạch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

Ban Tổng Giám đốc FPT được bổ sung thêm các lãnh đạo trẻ, đầy nhiệt huyết và sáng tạo. Đó là ông Phan Đức Trung, trên 10 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực tài chính ngân hàng; ông Trương Đình Anh với 15 năm kinh nghiệm điều hành doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghệ thông tin và viễn thông, ông Lê Trung Thành với hơn 15 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực marketing và thương hiệu tại Việt Nam.

2

Khẳng định công nghệ thông tin và viễn thông là ngành nghề kinh doanh cốt lõi hướng tới khách hàng là người tiêu dùng đại chúng

Điều này được thể hiện trong Nghị quyết Hội đồng Quản trị FPT ngày 22/05/2009.

FPT sẽ tích hợp các năng lực và nguồn lực của tất cả các đơn vị thành viên để tạo ra những sản phẩm hiện diện hàng ngày, hàng giờ cho hàng triệu hộ gia đình và đồng hành với từng người tiêu dùng, nhằm đáp ứng ngày một tốt hơn nhu cầu của các công dân điện tử trong thời đại mới.



3



Phát hành thành công 1.800 tỷ đồng trái phiếu kèm chứng quyền lần đầu tiên tại Việt Nam

FPT đã phát hành thành công 1.800 trái phiếu kèm chứng quyền với tổng giá trị phát hành là 1.800 tỷ đồng vào ngày 09/10/2009. Đây là đợt phát hành trái phiếu kèm chứng quyền tuân thủ những chuẩn mực quốc tế đầu tiên tại Việt Nam.

Đợt phát hành này thể hiện bước chuyển trong việc sử dụng những công cụ tài chính mới, góp phần tái cấu trúc lại hệ thống tài chính của Tập đoàn cũng như cam kết của FPT trong việc hướng đến những chuẩn mực quốc tế về quản trị doanh nghiệp và toàn cầu hóa.

4



Ra mắt điện thoại F-mobile - thương hiệu điện thoại riêng đầu tiên của Tập đoàn FPT

Bước đầu hiện thực hóa cam kết hướng đến người tiêu dùng đại chúng của FPT là sản phẩm điện thoại F-mobile.

F-mobile chính thức ra mắt người tiêu dùng Việt Nam vào tháng 06/2009. Tập đoàn FPT đã đầu tư phát triển các công cụ kết nối gọn nhẹ và tích hợp nhiều chức năng tiện ích vào điện thoại. Việc đưa các ứng dụng vào điện thoại di động sẽ luôn được FPT chú ý phát triển song song với việc đầu tư cải thiện hình thức và chủng loại để F-mobile thực sự trở thành một sản phẩm yêu thích của người tiêu dùng Việt.

Một ưu điểm nổi bật nữa của dòng điện thoại F-mobile là giá cả và chất lượng phù hợp với đại đa số người tiêu dùng Việt Nam.

F-mobile hứa hẹn là bước mở đầu thuận lợi của dòng sản phẩm đại chúng sắp tới của FPT.

5

Công ty Cổ phần Phần mềm FPT (FPT Software) chuyển giao bộ tài liệu kinh nghiệm xây dựng, áp dụng và thi lấy chứng chỉ CMMi-5 cho Cộng đồng Công nghệ thông tin Việt Nam thông qua Bộ Thông tin và Truyền thông, thể hiện vai trò dẫn đầu của FPT trong việc phát triển ngành công nghiệp phần mềm Việt Nam

Việc chuyển giao này nhằm tạo ra một cú hích đối với các doanh nghiệp công nghệ thông tin Việt Nam, cùng chung tay xây dựng một nền công nghiệp phần mềm có sức mạnh cạnh tranh trên thế giới, góp phần xây dựng “thương hiệu quốc gia” của Việt Nam. Đây là một việc làm được cộng đồng công nghệ thông tin và các lãnh đạo Việt Nam đánh giá cao vì lợi ích cũng như tính cộng đồng của nó.

CMMi5 là một tài sản quý của FPT Software, kết tinh trí tuệ và công sức của các cán bộ FPT Software trong suốt 8 năm. CMMi-5 là công cụ marketing hữu hiệu, thay cho mọi lời thuyết trình về năng lực sản xuất phần mềm và là “tấm vé thông hành” để gia nhập vào các thị trường lớn trên toàn cầu.

Những kinh nghiệm của FPT Software được tổng kết và chuyển giao cho Bộ Thông tin và Truyền thông sẽ giúp các doanh nghiệp rút ngắn thời gian và công sức để triển khai áp dụng thành công CMMi các cấp.



10 sự kiện nổi bật của FPT 2009

6



Công ty Cổ phần Viễn thông FPT (FPT Telecom) mở rộng địa bàn hoạt động và tiên phong cung cấp dịch vụ Triple Play

Năm 2009 được coi là năm mở mang “bờ cõi” của FPT Telecom khi đặt chân đến 15 tỉnh thành rải khắp ba miền Bắc - Trung - Nam, nâng số tỉnh thành tại Việt Nam có sự hiện diện của Công ty lên con số 22.

Tháng 03/2009, FPT Telecom là nhà cung cấp dịch vụ viễn thông đầu tiên tại Việt Nam tung ra gói cước mới, được phát triển theo công nghệ Triple Play - sử dụng hạ tầng IP để truyền tải hình ảnh, âm thanh, dữ liệu trong cùng một gói dịch vụ đến người dùng đầu cuối. Các gói dịch vụ hoạt động trên đường truyền ADSL với dung lượng lên đến 6 Mbps và cáp quang FTTH của FPT Telecom. Theo đó, chỉ cần đăng ký với một nhà cung cấp, triển khai một đường truyền là có thể sử dụng cả 3 loại dịch vụ: truy cập Internet, điện thoại cố định và truyền hình Internet. Hóa đơn cước phí hàng tháng sẽ được phát hành chung cho tất cả dịch vụ mà khách hàng sử dụng với chi phí hợp lý.

Dự kiến đến hết năm 2010, FPT Telecom sẽ có mặt tại hơn 40 tỉnh. Hiện FPT Telecom chiếm hơn 30% thị phần với gần 400.000 thuê bao ADSL.

7

Khai trương tòa nhà FPT Đà Nẵng, khẳng định sự phát triển mạnh mẽ của FPT tại miền Trung

Ngày 11/01/2010, tòa nhà FPT Đà Nẵng tại Khu Công nghiệp Massda, phường An Hải Bắc, quận Sơn Trà chính thức đi vào hoạt động. Đây là tòa nhà đầu tiên thuộc sở hữu của Tập đoàn FPT tại Đà Nẵng, thể hiện cam kết đầu tư phát triển công nghiệp phần mềm nói riêng và các ngành khác của Tập đoàn FPT tại khu vực miền Trung, góp phần đưa Đà Nẵng trở thành một trung tâm công nghiệp lớn của cả nước.

Cùng với toà nhà FPT Cầu Giấy, FPT Láng Hạ (Hà Nội) và tòa nhà FPT Nguyễn Đình Chiểu, tòa nhà FPT tại Khu chế xuất Tân Thuận (thành phố Hồ Chí Minh), toà nhà FPT Đà Nẵng là tòa nhà thứ 5 thuộc sở hữu của FPT.

FPT mở chi nhánh ở Đà Nẵng từ tháng 08/2004, đến nay, tất cả các lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn đã có mặt tại đây. Với khoảng 700 nhân viên và doanh thu lên đến hơn 1.200 tỷ VND trong năm 2009, FPT là lá cờ đầu của Đà Nẵng và khu vực miền Trung trong lĩnh vực Công nghệ thông tin và Viễn thông, góp phần lớn vào GDP của thành phố.



8



Công ty Cổ phần Hệ thống Thông tin FPT ký hợp đồng triển khai dự án ERP kỷ lục

Tháng 11/2009, Công ty Hệ thống Thông tin FPT ký hợp đồng triển khai hệ thống ERP lớn nhất trong ngành công nghệ thông tin Việt Nam với Tổng công ty Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex) trị giá 12,6 triệu USD. Với vai trò tổng thầu, Công ty Cổ phần Hệ thống Thông tin FPT sẽ triển khai hệ thống ERP tại 41 công ty con của Petrolimex ở Việt Nam, 111 điểm triển khai trên toàn quốc, đáp ứng nhu cầu sử dụng cho khoảng 1.300 người dùng. Dự án sẽ triển khai trong vòng 24 tháng. Sau khi hoàn thiện, Petrolimex sẽ có được một hệ thống ERP đạt chuẩn quốc tế, với giải pháp đã triển khai thành công tại hầu hết các tập đoàn lớn nhất thế giới trong ngành xăng dầu như Petrochina, ExxonMobil, Gazprom, Royal Dutch Shell, Sinopec, Petrobras, BP, TOTAL, BHP Billiton, và Chevron.

9

Thành công trong chiến lược tổng thầu các dự án lớn với các cơ quan Chính phủ

Dự án Thuế Thu nhập cá nhân do Công ty Hệ thống Thông tin FPT làm tổng thầu đã hoàn thành giai đoạn phát triển ứng dụng, chuẩn bị thực hiện giai đoạn kiểm thử mức người dùng với 300 kịch bản kiểm tra. Toàn bộ các bước của dự án đều được Tổng cục Thuế nghiệm thu và đánh giá cao. Cho đến thời điểm này, cả Tổng cục Thuế và FPT đều khẳng định dự án chắc chắn sẽ thành công. Ngoài ra, trong năm 2009 , Công ty Hệ thống Thông tin FPT cũng đã hoàn thiện dự án tổng thầu Cung cấp và tích hợp triển khai giải pháp công nghệ thông tin cho Tổng cục Thống kê thực hiện Tổng điều tra dân số và nhà ở, được khách hàng đánh giá là xuất sắc.



10



Cổ phần hóa Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT và Công ty TNHH Thương mại FPT

Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Hệ thống Thông tin FPT với số vốn điều lệ là 350 tỷ VND.

Công ty TNHH Thương mại FPT được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Thương mại FPT với số vốn điều lệ là 300 tỷ đồng, theo mô hình holdings nhằm điều hành toàn bộ hệ thống phân phối sản phẩm công nghệ thông tin và viễn thông của FPT trước đây.

FPT toàn cầu



Hội đồng Quản trị

1. Ông Trương Gia Bình

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Sáng lập ra FPT năm 1988, ông là nhà tổ chức, người tập hợp lực lượng của FPT. Với tầm nhìn xa, ông luôn đưa ra những định hướng chiến lược có tính bước ngoặt cho sự phát triển của FPT.

Ông được bình chọn là một trong 10 nhân vật tiêu biểu của ngành công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) Việt Nam giai đoạn 2000-2009 do các nhà báo trong lĩnh vực công nghệ thông tin - viễn thông bình chọn. Ông là Chủ tịch Hiệp hội Phần mềm Việt Nam và đóng góp nhiều ý kiến cho các lãnh đạo Việt Nam trong việc hoạch định các chính sách phát triển ngành công nghệ thông tin ở Việt Nam.

Ông Bình tốt nghiệp Khoa Toán Cơ, Đại học Tổng hợp Quốc gia Moscow mang tên Lomonosov, Liên bang Nga năm 1979 và bảo vệ luận án tiến sĩ cũng tại đại học này năm 1982.

2. Ông Lê Quang Tiến

Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Là một trong 13 sáng lập viên và là Giám đốc Tài chính FPT từ ngày thành lập, ông đã đặt nền tảng cho hệ thống quản trị tài chính FPT - một hệ thống tiên tiến và minh bạch hiện nay ở Việt Nam.

Ông Tiến tốt nghiệp Khoa Vật lý, Đại học Tổng hợp Kishiniov (Cộng hòa Moldova) năm 1981 và Khoa Quản trị Kinh doanh cao cấp tại Đại học Amos Tuck (Mỹ) năm 2000.

3. Ông Bùi Quang Ngọc

Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Là một trong 13 sáng lập viên, ông luôn là người đảm bảo để mọi hoạt động hàng ngày của FPT hiệu quả và chuẩn xác, hướng tới các chuẩn mực chất lượng quốc tế.

Ông được bầu chọn là một trong 10 nhà lãnh đạo Công nghệ thông tin (CIO) xuất sắc nhất Đông Dương năm 2005.

Ông Ngọc tốt nghiệp Khoa Toán, Đại học Tổng hợp Kishiniov (Cộng hòa Moldova) năm 1979 và bảo vệ luận án tiến sĩ về Cơ sở dữ liệu tại Đại học Grenoble (Pháp) năm 1986.

4. Ông Hoàng Minh Châu

Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông là người sáng lập chi nhánh FPT tại thành phố Hồ Chí Minh năm 1990. Ông có công lớn trong việc xây dựng tên tuổi FPT tại thị trường lớn nhất Việt Nam này.

Ông có nhiều đóng góp cho văn hoá doanh nghiệp FPT, một trong những yếu tố quan trọng trong chiến lược phát triển con người của công ty.

Ông Châu tốt nghiệp Khoa Toán, Đại học Tổng hợp Kishiniov (Cộng hòa Moldova) năm 1981 và Khoa Quản trị Kinh doanh cao cấp, Đại học Amos Tuck (Mỹ) năm 2000.

5. Bà Trương Thị Thanh Thanh

Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Bà là một trong những người tham gia xây dựng chi nhánh FPT tại thành phố Hồ Chí Minh từ những ngày đầu.

Bà là người chịu trách nhiệm và luôn đi tiên phong trong các hoạt động xã hội và từ thiện của FPT.

Bà Trương Thị Thanh Thanh tốt nghiệp Khoa Vật lý Phân tử, Đại học Tổng hợp Bacu (Azerbaijan) năm 1974 và Khoa Quản trị Kinh doanh, Đại học Amos Tuck (Mỹ) năm 2000.

6. Ông Đỗ Cao Bảo

Ủy viên Hội đồng Quản trị

Là một trong 13 sáng lập viên, ông tham gia quản trị nhiều dự án công nghệ thông tin mang tầm quốc gia. Từ năm 1994, với vai trò là Tổng Giám đốc Công ty Hệ thống Thông tin FPT (FPT IS), ông đã đưa FPT IS trở thành mũi nhọn công nghệ của FPT và nhiều năm liền dẫn đầu thị trường tích hợp hệ thống, phát triển phần mềm và dịch vụ tin học tại Việt Nam.

Ông Bảo tốt nghiệp ngành Toán điều khiển, Học viện Kỹ thuật Quân sự năm 1984.

7. Ông Nguyễn Thành Nam

Ủy viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc

Là một trong 13 sáng lập viên, ông đã dẫn dắt Công ty Cổ phần Phần mềm FPT trở thành công ty xuất khẩu phần mềm hàng đầu khu vực, mở đầu chiến lược toàn cầu hóa tại FPT và ghi danh ngành công nghiệp phần mềm Việt Nam trên bản đồ phần mềm thế giới.

Từ ngày 13/04/2009, ông được bổ nhiệm vào chức vụ Tổng Giám đốc FPT.

Ông Nguyễn Thành Nam tốt nghiệp Khoa Toán, Đại học Tổng hợp Quốc gia Moscow mang tên Lomonosov, Liên bang Nga và bảo vệ thành công luận án tiến sĩ Toán năm 1988 cũng tại trường đại học này.

8. Ông Trương Đình Anh

Ủy viên Hội đồng Quản trị, Phó Tổng Giám đốc

Ông gia nhập FPT từ năm 1993.

Công ty Cổ phần Viễn thông FPT dưới sự điều hành của ông đã trở thành một trong những công ty viễn thông hàng đầu Việt Nam. Ông còn là cha đẻ của mạng Intranet đầu tiên có nhiều người dùng nhất ở Việt Nam (Trí tuệ Việt Nam – TTVN) và là một trong những người sáng lập VnExpress.net – tờ báo điện tử đầu tiên và hàng đầu Việt Nam.

Ngày 01/07/2009, ông được bổ nhiệm vào chức vụ Phó Tổng Giám đốc FPT.

Ông Trương Đình Anh tốt nghiệp Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội năm 1992.

9. Ông Hoàng Nam Tiến

Ủy viên Hội đồng Quản trị

Ông gia nhập FPT từ năm 1993. Với vai trò là Tổng Giám đốc Công ty Phân phối FPT, ông đã xây dựng thành công một trong những mạng lưới phân phối lớn nhất Việt Nam với 1.500 đại lý tại 64/64 tỉnh thành.

Ông Hoàng Nam Tiến tốt nghiệp chuyên ngành Công nghệ thông tin, Đại học Bách khoa Hà Nội năm 1993.

10. Ông Nguyễn Điệp Tùng

Ủy viên Hội đồng Quản trị

Ông gia nhập FPT từ năm 1991.

Với vai trò là Kế toán trưởng và Trưởng Ban Kế hoạch Tài chính FPT, ông phụ trách, giám sát và vận hành các hoạt động tài chính kế toán của Tập đoàn, đảm bảo yêu cầu mới của hệ thống tài chính, kế toán doanh nghiệp trong giai đoạn chuyển đổi mô hình FPT sang công ty cổ phần và công ty đại chúng.

Ông Nguyễn Điệp Tùng tốt nghiệp chuyên ngành Kinh tế bảo hiểm, Đại học Tài chính Kế toán Hà Nội năm 1990.

11. Ông Jonathon Ralph Alexander Waugh

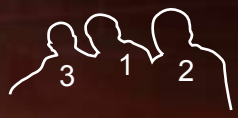
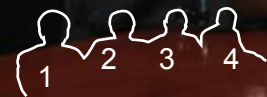
Ủy viên Hội đồng Quản trị

Ông được bầu vào Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần FPT tháng 03/2009.

Ông có gần 20 năm hoạt động trong lĩnh vực tài chính, đầu tư với việc tham gia thành lập và quản lý nhiều Quỹ đầu tư nổi tiếng tại Anh, Hongkong và Việt Nam.

Ông tốt nghiệp loại ưu ngành Quản trị Kinh doanh, Đại học Southbank (London) năm 1992.





Ban Tổng Giám đốc

1. Ông Nguyễn Thành Nam

Ủy viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc

Là một trong 13 sáng lập viên, ông đã dẫn dắt Công ty Cổ phần Phần mềm FPT trở thành công ty xuất khẩu phần mềm hàng đầu khu vực, mở đầu chiến lược toàn cầu hóa tại FPT và ghi danh ngành công nghiệp phần mềm Việt Nam trên bản đồ phần mềm thế giới.

Từ ngày 13/04/2009, ông được bổ nhiệm vào chức vụ Tổng Giám đốc FPT.

Ông Nguyễn Thành Nam tốt nghiệp Khoa Toán, Đại học Tổng hợp Quốc gia Moscow mang tên Lomonosov, Liên bang Nga và bảo vệ thành công luận án tiến sĩ Toán năm 1988 cũng tại trường đại học này.

2. Ông Phan Đức Trung

Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính

Ông gia nhập FPT năm 2007 và được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính FPT từ ngày 31/03/2009.

Trước đó, ông Trung là Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư FPT (FPT Capital). Với hơn 10 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, ông đã thành công trong việc thành lập Quỹ Đầu tư Liên doanh Việt - Nhật trị giá 100 triệu USD giữa Tập đoàn FPT và Tập đoàn SBI của Nhật Bản. Đồng thời, FPT Capital cũng đã bước đầu thành công trong việc quản lý vốn ủy thác của các nhà đầu tư trong nước với số vốn ủy thác trung bình năm đạt gần 50 triệu USD.

Ông Trung tốt nghiệp chuyên ngành Kinh tế năng lượng, Đại học Bách khoa Hà Nội năm 1993.

3. Ông Trương Đình Anh

Ủy viên Hội đồng Quản trị, Phó Tổng Giám đốc

Ông gia nhập FPT từ năm 1993.

Công ty Viễn thông FPT dưới dự điều hành của ông đã trở thành một trong những công ty viễn thông hàng đầu Việt Nam. Ông còn là cha đẻ của mạng Intranet đầu tiên có nhiều người dùng nhất ở Việt Nam (Trí tuệ Việt Nam – TTVN) và là một trong những người sáng lập VnExpress.net – tờ báo điện tử đầu tiên và hàng đầu Việt Nam.

Ngày 01/07/2009, ông được bổ nhiệm vào chức vụ Phó Tổng Giám đốc FPT.

Ông Trương Đình Anh tốt nghiệp Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội năm 1992.

4. Ông Lê Trung Thành

Phó Tổng Giám đốc phụ trách Thương hiệu và Marketing

Ông gia nhập FPT từ 01/01/2010 với cương vị Phó Tổng Giám đốc FPT phụ trách Thương hiệu và Marketing.

Sau 15 năm làm việc cho các tập đoàn nước ngoài lớn như Caltex, Unilever, Pepsi, ông được biết đến ở Việt Nam như một chuyên gia hàng đầu về marketing và thương hiệu. Năm 1999, ông đoạt giải Unilever toàn cầu với nhãn hàng Lifebouy.

Ông Thành tốt nghiệp Khoa Quản trị Kinh doanh, Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh năm 1993 và là thạc sĩ Quản trị Kinh doanh tại Đại học Tổng hợp Melbourne (Úc) năm 2000.

Ban Kiểm soát

1. Ông Nguyễn Việt Thắng

Trưởng Ban Kiểm soát FPT

Từ năm 1997 đến nay, ông làm việc tại Khoa Quản trị Kinh doanh, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Ông Thắng tham gia công tác tại FPT từ năm 1992–1997 và giữ nhiều vị trí: Kế toán trưởng Trung tâm Dịch vụ Tin học, Phó ban Tài chính – Kế toán, Kiểm soát Tài chính FPT.

Ông Thắng tốt nghiệp Đại học Thương mại Hà Nội năm 1989 và là thạc sĩ Chuyên ngành Quản trị Kinh doanh, Đại học Rushmore University (Mỹ) năm 2006.

2. Ông Nguyễn Khải Hoàn

Ủy viên Ban Kiểm soát FPT

Từ năm 2005 đến nay, ông đảm nhiệm chức vụ Trưởng Ban Tài chính, kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Phần mềm FPT (FPT Software).

Ông Nguyễn Khải Hoàn tốt nghiệp Học viện Tài chính, Liên bang Nga năm 1999 và là tiến sĩ kinh tế, chuyên ngành Đầu tư tại Viện Kinh tế, Viện Hàn lâm Khoa học Liên bang Nga năm 2003.

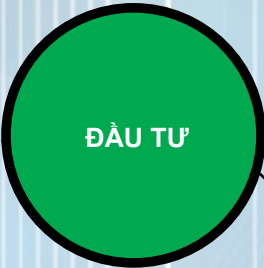
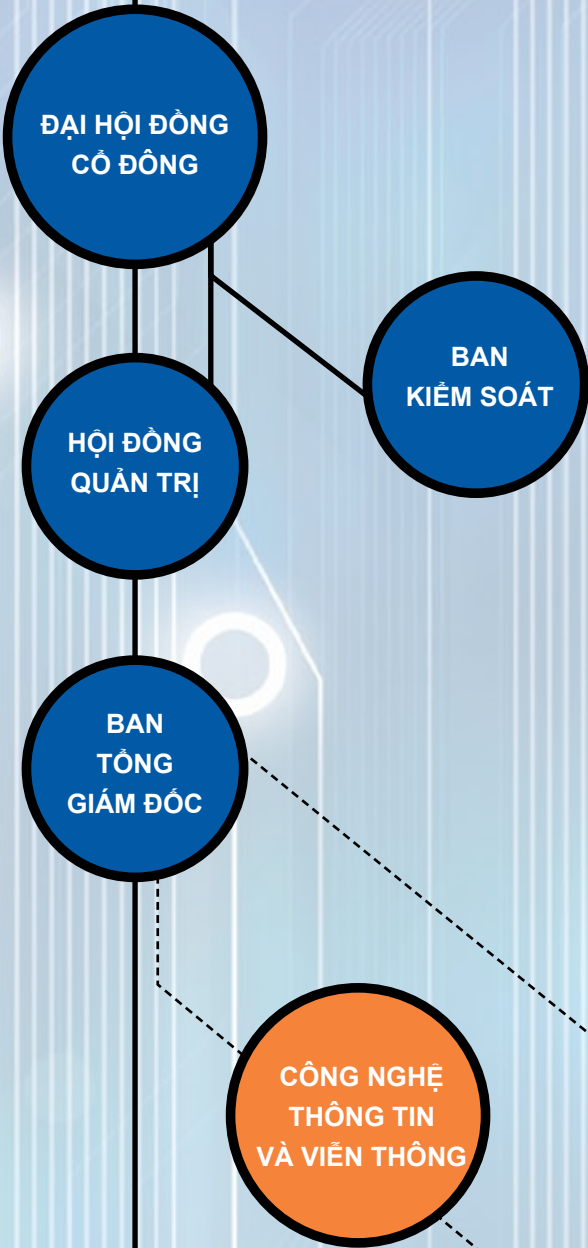
3. Ông Hà Nguyên

Ủy viên Ban Kiểm soát FPT

Ông Hà Nguyên hiện là Giám đốc Chương trình Đào tạo Thạc sĩ Quản trị kinh doanh Quốc tế (IeMBA) và Chương trình Đào tạo thạc sĩ Quản trị kinh doanh Việt Nam (VeMBA) của Khoa Quản trị kinh doanh HSB, thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội.

Ông Hà Nguyên tốt nghiệp Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội năm 1992 và tốt nghiệp khoa Luật, Đại học Tổng hợp Hà Nội năm 1996. Ông tốt nghiệp thạc sĩ Quản trị Kinh doanh tại trường Boise State University - Idaho (Mỹ) năm 1997.

Sơ đồ tổ chức



Tỷ lệ sở hữu của FPT	
CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT	41,62%
CÔNG TY CỔ PHẦN HỆ THỐNG THÔNG TIN FPT	95,0%
CÔNG TY CỔ PHẦN PHẦN MỀM FPT	67,52%
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI FPT	95,0%
ĐẠI HỌC FPT	100,0%
CÔNG TY CỔ PHẦN FPT VISKY	84,71%
CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TIN HỌC FPT	100,0%

Tỷ lệ sở hữu của FPT	
CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHỆ CAO HÒA LẠC FPT	100,0%
CÔNG TY TNHH BẤT ĐỘNG SẢN FPT	100,0%
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT	25,0%
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN TIỀN PHONG	15,96%
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ FPT	33,0%
ỦY THÁC QUẢN LÝ	
..... Công ty TNHH Truyền thông và Giải trí FPT	100,0%
..... Công ty Cổ phần Quảng cáo FPT	60,0%



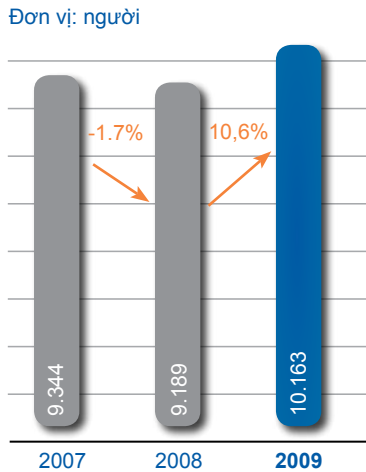
Tổ chức và Nhân sự

Trong suốt 21 năm phát triển, 2009 là năm có nhiều thay đổi nhất về nhân sự cấp cao của FPT. Không chỉ ở cấp tập đoàn, nhiều công ty thành viên của FPT cũng bổ nhiệm tổng giám đốc hoặc phó tổng giám đốc mới.

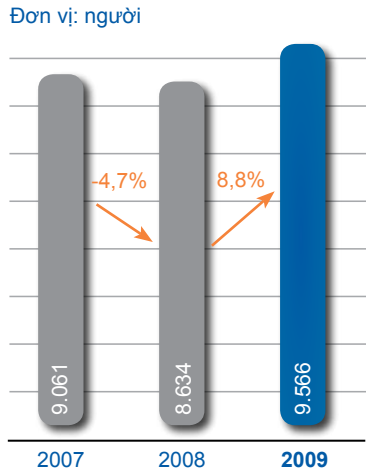
Năm 2009, FPT tiếp tục quy tụ được những lãnh đạo có tên tuổi ở Việt Nam vào đội ngũ lãnh đạo FPT như ông Lê Trung Thành - chuyên gia hàng đầu về marketing và thương hiệu ở Việt Nam và từng là Phó Tổng Giám đốc Pepsi Việt Nam, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hàng Gia dụng Quốc tế; ông Ogawa Takeo, quốc tịch Nhật Bản, từng là Tổng Giám đốc Công ty Hitachi Software.

Biểu đồ tăng trưởng nhân sự

Số lượng nhân viên



Số lượng nhân viên (không tính 3 công ty liên kết là Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT; Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư FPT và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong).



Các thay đổi quan trọng về tổ chức và nhân sự năm 2009

Thay đổi về tổ chức:

Ngày 31/07/2009, Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Hệ thống Thông tin FPT với số vốn điều lệ là 350 tỷ đồng.

Ngày 31/07/2009, Công ty TNHH Thương mại FPT được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Thương mại FPT theo mô hình holdings với số vốn điều lệ là 300 tỷ đồng nhằm điều hành toàn bộ hệ thống phân phối sản phẩm công nghệ thông tin và viễn thông của FPT trước đây.

Ngày 01/09/2009, Công ty Cổ phần FPT Visky được thành lập với mục tiêu xây dựng hệ thống công nghệ nền tảng với các sản phẩm/dịch vụ 2.0 có tính tương tác cao, đáp ứng mọi nhu cầu của cộng đồng trên Internet và điện thoại di động. Công ty Cổ phần FPT Visky là công ty thành viên của FPT, có tiền thân là Dự án Visky 2.0.

Tháng 02/2009, Công ty Cổ phần Hệ thống Thông tin FPT mở Văn phòng Đại diện tại Singapore - đặt bước tiến quan trọng trong lộ trình thực hiện chiến lược toàn cầu hóa của mình.

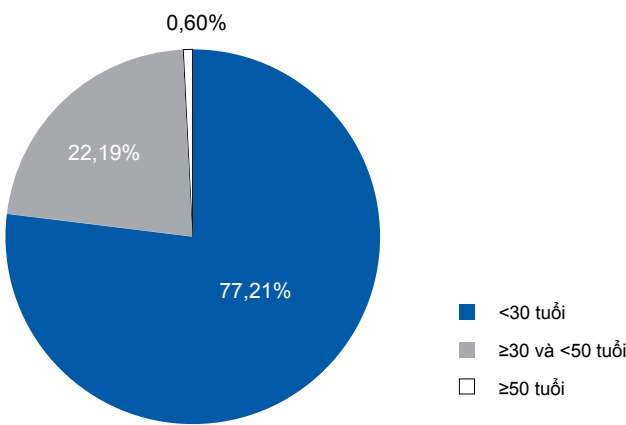
Ngày 31/12/2009, Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ FPT trực thuộc Công ty Thương mại FPT (FPT Trading Group) được thành lập với mục đích đưa FPT Trading Group chuyển dần từ phân phối sang sản xuất, marketing và phân phối các sản phẩm công nghệ.

Năm 2009, trong chiến dịch mở rộng vùng phủ của mình, Công ty Cổ phần Viễn thông FPT mở thêm 15 chi nhánh trên khắp ba miền Việt Nam nâng tổng số chi nhánh lên 22 và thành lập thêm Công ty Viễn thông miền Trung vào tháng 01/2009.

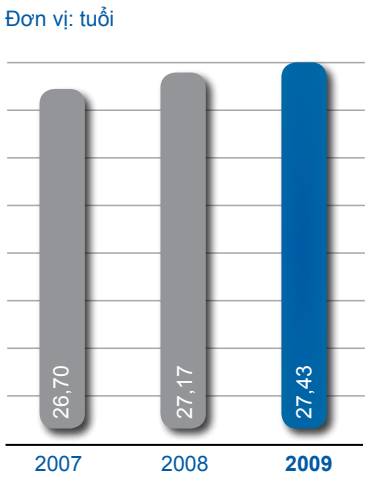


Tổ chức và Nhân sự

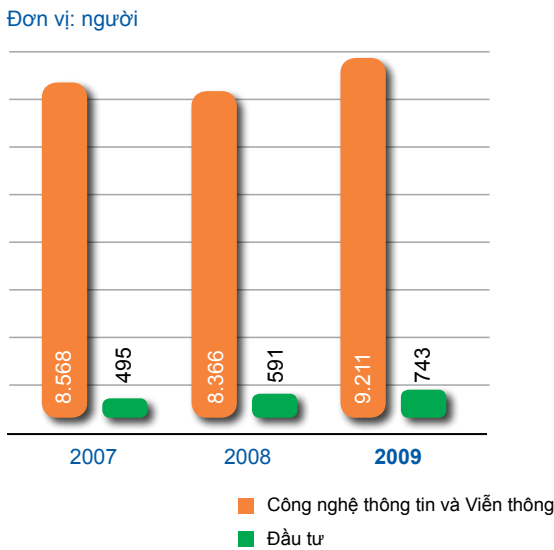
Biểu đồ cơ cấu nhân viên theo lứa tuổi



Tuổi trung bình của nhân viên năm 2007, 2008, 2009



Biểu đồ phân chia nhân lực theo lĩnh vực kinh doanh



Bảo hiểm y tế dành cho nhân viên FPT Care

Ngoài các bảo hiểm xã hội theo chính sách chung của nhà nước, nhân viên FPT còn được hưởng chương trình bảo hiểm y tế của các công ty bảo hiểm như Bảo Việt, Bảo Minh và Liberty thông qua Công ty AON.

Ngành nghề kinh doanh

Công nghệ thông tin & Viễn thông

Tích hợp hệ thống - Giải pháp phần mềm - Dịch vụ tin học

Đây là 3 lĩnh vực kinh doanh của FPT luôn giữ vững vị trí số 1 về công nghệ, doanh thu và lợi nhuận tại Việt Nam, có tốc độ tăng trưởng bình quân 21%/năm.

Sản phẩm/dịch vụ trong lĩnh vực này phục vụ cho các ngành: tài chính, ngân hàng, viễn thông, dịch vụ công, an ninh - quốc phòng, giáo dục, y tế, doanh nghiệp... trong và ngoài nước.

Các khách hàng chính: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, BIDV, Agribank, Vietcombank, Vietinbank, Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế, Kho bạc Nhà nước, Tổng cục Hải quan, Tổng Công ty Điện lực Việt Nam, Tổng Công ty Hàng không Việt Nam, Bộ Thông tin Truyền thông, Vinamilk, Tập đoàn Thép Việt, VietsoPetro, Tập đoàn Đồng Tâm, Bộ Công an, các ngân hàng thương mại cổ phần, Bộ Kế hoạch Đầu tư, Bộ Tài nguyên Môi trường ...

Ở 3 lĩnh vực này, FPT là đối tác cấp cao nhất của hầu hết nhà cung cấp lớn nhất thế giới: Cisco, IBM, HP, Microsoft, Oracle, SAP, Dell....

Xuất khẩu phần mềm

Xuất khẩu phần mềm là mảng kinh doanh có tốc độ tăng trưởng bình quân 47%/năm và đứng vị trí số 1 ở Việt Nam.

Trong lĩnh vực này FPT có các chứng chỉ chất lượng như: CMMI-5, ISO 27001:2005 (BS7799-2:2002), ISO 9001:2008...

Các sản phẩm/dịch vụ chính: Xây dựng phát triển phần mềm, Phát triển ứng dụng & bảo trì, Triển khai dịch vụ ERP, Chuyển đổi công nghệ phần mềm, Kiểm thử chất lượng phần mềm, Phần mềm nhúng.

Các đối tác và khách hàng chính là nhiều tập đoàn công nghệ lớn trên thế giới như Microsoft, IBM, HP, Sanyo, Hitachi, Panasonic, Canon, Toshiba...

FPT tự hào là công ty góp phần ghi tên Việt Nam trên bản đồ phần mềm thế giới.

Viễn thông

Đây là lĩnh vực có tốc độ tăng trưởng cao, xấp xỉ 50%/năm.

Trong lĩnh vực này FPT là một trong 4 nhà cung cấp đường truyền Internet đầu tiên tại Việt Nam, hiện chiếm 30% thị phần với gần 400.000 thuê bao ADSL; là nhà cung cấp hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực: Internet băng thông rộng, Internet cáp quang, dịch vụ truyền hình trực tuyến...

FPT đã được Chính phủ Việt Nam cấp giấy phép VoIP, ICP, ISP, OSP, IXP, giấy phép thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ viễn thông, giấy phép thử nghiệm Wimax di động.

Dịch vụ viễn thông của FPT có mặt tại 22 tỉnh thành và dự định sẽ có mặt tại 40 tỉnh thành trên toàn quốc vào năm 2010.

Phân phối các sản phẩm công nghệ thông tin và viễn thông

Đứng vị trí số 1 ở Việt Nam.

FPT hiện có mạng lưới phân phối lớn nhất tại Việt Nam, với hơn 1.500 đại lý tại 64/64 tỉnh thành trong toàn quốc.

FPT phân phối sản phẩm của hơn 60 hãng nổi tiếng thế giới như IBM, Lenovo, Microsoft, HP, Nokia, Toshiba, Oracle, Samsung, Cisco, Dell, Motorola, HTC, Apple, Intel, Symantec, NEC, Seagate, MSI, Foxconn, Sandisk, Logitech...

Đây là lĩnh vực đem lại doanh thu lớn nhất cho FPT.



Sản xuất các sản phẩm công nghệ

Máy tính Elead có mặt trên thị trường Việt Nam từ năm 2002 và đã nhận được nhiều bằng khen, giải thưởng như: Máy tính để bàn thương hiệu Việt được ưa chuộng nhất; Giải thưởng Sao Vàng Đất Việt và các cúp vàng cho máy tính Việt Nam xuất sắc nhất trong các hội chợ công nghệ thông tin. Nhà máy Elead có các chứng chỉ ISO 14001 về bảo vệ môi trường và ISO 17025 cho phòng nghiên cứu phát triển và thí nghiệm.

Tháng 06/2009, FPT cho ra mắt điện thoại di động mang thương hiệu FPT là F-mobile.

Các đối tác chính: Intel, LG, Microsoft, Samsung, Seagate, MSI, Kingston, Transcend, Sandisk, Kingmax, Gigabyte, ECS.

Nội dung số

Đây là mảng kinh doanh sẽ được FPT đặc biệt chú trọng trong thời gian tới. FPT sẽ hướng tới việc xây dựng hệ thống công nghệ nền tảng với các sản phẩm/dịch vụ 2.0 có tính tương tác cao, đáp ứng mọi nhu cầu của cộng đồng trên Internet và điện thoại di động.

Các sản phẩm có tiếng hiện tại của FPT trong lĩnh vực này là: VnExpress - Báo điện tử Tin nhanh hàng đầu Việt Nam với khoảng hơn 20 triệu truy cập/ngày; Nghe nhạc trực tuyến (Nhacso.net); các trò chơi trực tuyến: Thiên long bát bộ, MU, PTV, Special Force – Đặc nhiệm anh hùng, Granado Espada – Bá chủ thế giới, TAAN, Tây Du ký; Truyền hình tương tác iTV; Phần mềm chat trên điện thoại di động (ViTalk); Website thương mại điện tử (ViMua); Thư viện bài giảng trực tuyến (Violet); Cuộc thi toán online dành cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở (ViOlympic); Mạng xã hội trên điện thoại di động (ViHuni).

Đào tạo

Đại học FPT hoạt động theo mô hình của một trường đại học thể hệ mới với triết lý giáo dục hiện đại. Sự khác biệt của Đại học FPT là tập trung đào tạo các kỹ sư công nghiệp, nghĩa là đào tạo theo hình thức liên kết chặt chẽ với các doanh nghiệp công nghệ thông tin, gắn đào tạo với thực tiễn và nghiên cứu, triển khai các công nghệ hiện đại nhất.

Mục tiêu trước mắt của Đại học FPT là đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao chuyên ngành công nghệ thông tin, quản trị kinh doanh và các nhóm ngành khác có liên quan trước hết cho Tập đoàn FPT, đồng thời cho các doanh nghiệp công nghệ thông tin nói chung và doanh nghiệp Việt Nam nói riêng. Hiện Đại học FPT có gần 3.000 sinh viên.

Trực thuộc Đại học FPT còn có Viện Đào tạo Quốc tế FPT, bao gồm các Trung tâm đào tạo Mỹ thuật đa phương tiện (FPT Arena) và các Trung tâm đào tạo Lập trình viên quốc tế (FPT Aptech) với tổng số trên 50.000 học viên sau hơn 10 năm hoạt động.

Đại học FPT là một lĩnh vực kinh doanh hứa hẹn sự tăng trưởng mạnh về qui mô và doanh số trong thời gian tới.



Bất động sản

Hoạt động đầu tư của FPT trong lĩnh vực bất động sản trước hết nhằm đáp ứng mục tiêu xây dựng những cơ sở hạ tầng hoàn chỉnh cho Tập đoàn FPT, tiếp đến là những công trình xây dựng có hàm lượng ứng dụng công nghệ cao, tạo ra tiện ích và lợi ích cho người sử dụng. Trong năm 2009, FPT đã đưa vào sử dụng tòa nhà FPT Đà Nẵng, tòa nhà FPT tại thành phố Hồ Chí Minh; triển khai xây dựng trụ sở chính của FPT tại 89 Láng Hạ, dự kiến dự án này sẽ hoàn thành vào năm 2012. Trước đó năm 2007, FPT cũng đã đưa vào sử dụng tòa nhà FPT Cầu Giấy, Hà Nội.

Trong thời gian tới, tại Đà Nẵng, FPT sẽ tiếp tục đầu tư xây dựng khu FPT City Đà Nẵng rộng 181 ha, gồm: khu công viên phần mềm, Đại học FPT và khu dân cư, nằm trên trục giao thông huyết mạch cách trung tâm thành phố 7km; Dự án Khu công nghiệp cao thành phố Hồ Chí Minh và một số công trình khác.

Ngân hàng

Ngân hàng là lĩnh vực được FPT đầu tư từ năm 2008 với sự thành lập của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong (TienPhongBank). FPT sở hữu 15,96% vốn điều lệ của TienPhongBank. Tổng tài sản của TienPhongBank năm 2009 đạt 10.728 tỷ VND, tăng trưởng gấp 4,44 lần so với năm 2008.

Sản phẩm/dịch vụ tiêu biểu nhất của TienPhongBank là Internet Banking và Mobile Banking. Internet Banking được tín nhiệm bình chọn là sản phẩm Tin&Dùng 2009 do bạn đọc Thời báo Kinh tế Việt Nam bình chọn.

Chứng khoán

FPT sở hữu 25% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT (FPTS) được thành lập năm 2007. Các nghiệp vụ kinh doanh của FPTS bao gồm: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán và Bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Với lợi thế cạnh tranh về công nghệ, đặc biệt là các thế mạnh vượt trội về Sản phẩm và Dịch vụ Giao dịch Trực tuyến, FPTS đã vinh dự đứng thứ 3 trong Top 5 thương hiệu tài chính được người tiêu dùng bình chọn của Chương trình Tin&Dùng Việt Nam năm 2009 do Thời báo Kinh tế Việt Nam tổ chức.

FPTS là một trong số những công ty chứng khoán đầu tiên đạt yêu cầu kết nối giao dịch từ xa với HNX và cũng là một trong những công ty chứng khoán kết nối giao dịch trực tuyến với HOSE sớm nhất. Tính cả năm 2009, về thị phần môi giới cổ phiếu và chứng chỉ quỹ tại HOSE, FPTS giữ vị trí thứ 6. Tại HNX, FPTS giữ vị trí thứ 5.

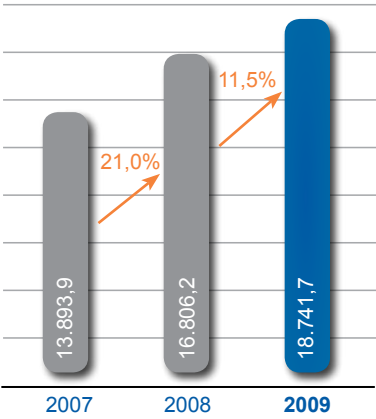
Quản lý quỹ

FPT sở hữu 33% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư FPT (FPT Capital) được thành lập năm 2007. Đây là công ty quản lý quỹ đầu tiên được thành lập theo Luật Chứng khoán mới. FPT Capital nhận được sự hỗ trợ toàn diện của Tập đoàn FPT. FPT Capital được FPT ủy thác quản lý hai công ty thành viên của mình là Công ty TNHH Truyền thông và Giải trí FPT và Công ty Cổ phần Quảng cáo FPT.

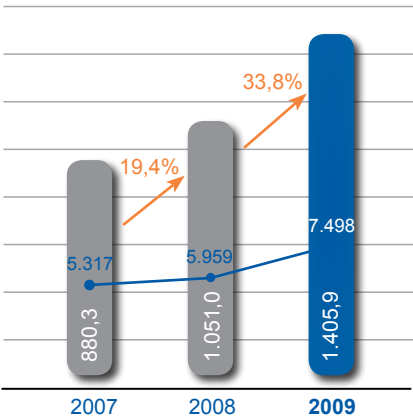
Tính đến thời điểm hiện tại, FPT Capital đang quản lý Quỹ Việt Nhật và quản lý tài sản cho các tổ chức, cá nhân trong nước với tổng tài sản quản lý gần 200 triệu USD. FPT Capital hợp tác chặt chẽ với cổ đông chiến lược là SBI Holdings, một trong những tập đoàn đứng đầu về công nghệ và đầu tư của Nhật Bản và cũng là nhà đầu tư của Quỹ Việt-Nhật.

Tình hình tài chính nổi bật

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009
Tổng doanh thu Tập đoàn	tỷ VND	13.893,9	16.806,2	18.741,7
Lợi nhuận trước thuế	tỷ VND	1.029,0	1.240,1	1.697,5
Tổng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	tỷ VND	880,3	1.051,0	1.405,9
Lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ	tỷ VND	737,5	836,3	1.063,3
EBITDA	tỷ VND	1.242,9	1.560,2	2.111,4
Tổng tài sản	tỷ VND	5.356,1	6.124,8	10.395,7
Vốn chủ sở hữu	tỷ VND	1.939,5	2.373,5	2.999,5
Vốn điều lệ	tỷ VND	923,5	1.411,6	1.438,3
EPS	VND/cổ phiếu	5.317	5.959	7.498
ROE	%	39,2	37,0	37,6
ROA	%	18,1	13,2	14,1

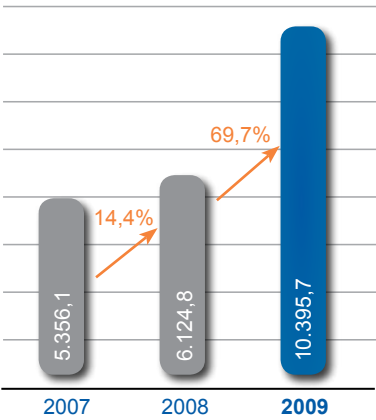


TỔNG DOANH THU TẬP ĐOÀN
Đơn vị: tỷ VND

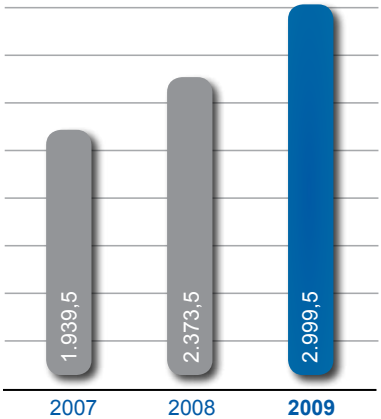


LỢI NHUẬN SAU THUẾ
Đơn vị: tỷ VND

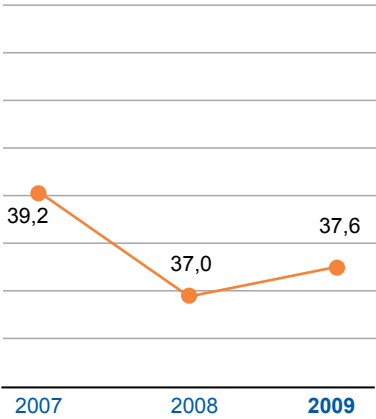
■ Lợi nhuận sau thuế (tỷ VND)
— EPS (VND)



TỔNG TÀI SẢN
Đơn vị: tỷ VND



VỐN CHỦ SỞ HỮU
Đơn vị: tỷ VND



ROE
Đơn vị: %



Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Kết quả kinh doanh 2009: Tiếp tục một năm thành công

Khó khăn tài chính của một số nền kinh tế lớn bắt đầu từ giữa năm 2008 đã đẩy kinh tế thế giới vào tình trạng suy thoái. Đây là đợt suy thoái được các chuyên gia kinh tế đánh giá là tồi tệ nhất kể từ đại suy thoái những năm 30 của thế kỷ trước.

Việt Nam cũng không nằm ngoài vòng xoáy đó. Nền kinh tế Việt Nam trong năm 2009 đã được dự báo còn phải tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn thách thức.

Trước diễn biến phức tạp đó, đầu năm 2009, Hội đồng Quản trị FPT đã rất thận trọng khi thông qua các kế hoạch kinh doanh trong năm và chỉ đạo các công ty thành viên đưa ra nhiều phương án khác nhau để sẵn sàng đối phó.

Tuy nhiên, giữa năm 2009, Chính phủ Việt Nam đã kịp thời đưa ra các chính sách kích cầu và các chính sách điều hành kinh tế vĩ mô mới nhằm ổn định nền kinh tế. FPT luôn theo dõi sát các thay đổi trong chính sách của Chính phủ, liên tục đưa ra các dự báo bức tranh ngành ở từng thời điểm và cùng từng đơn vị điều chỉnh kế hoạch kinh doanh cho phù hợp nhất.

Kết quả là, kết thúc năm tài chính 2009, tổng doanh thu Tập đoàn đạt mức 18.741,7 tỷ VND (tương đương hơn 1 tỷ USD), vượt 8% so với kế hoạch đề ra, tăng 11,5% so với năm 2008.

Đặc biệt, lợi nhuận của toàn Tập đoàn năm 2009 đã đạt được mức tăng trưởng lớn so với năm trước. Lợi nhuận trước thuế đạt 1.697,5 tỷ VND, tăng 36,9% so với năm 2008 và vượt 12% kế hoạch đặt ra; lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ đạt 1.063,3 tỷ VND, tăng 27,2% so với cùng kỳ và vượt 17% kế hoạch năm. Lãi cơ bản trên cổ phiếu công ty đạt 7.498 VND, tăng 25,8% so với năm 2008 và vượt 18,5% kế hoạch năm.

Các lĩnh vực tăng trưởng lợi nhuận rất tốt vẫn là tích hợp hệ thống, viễn thông và giáo dục. Doanh thu toàn bộ các lĩnh vực đều tăng trưởng. Tăng trưởng lợi nhuận từ phần mềm và dịch vụ đạt 29%, chiếm 59% tổng lợi nhuận.

Kết quả này có được là nhờ sự nỗ lực của hơn 10.000 cán bộ nhân viên cùng kinh nghiệm quản lý mà FPT đã tích lũy được trong 20 năm qua.

"Sau hơn 20 năm, FPT đã trở thành một công ty công nghệ hàng đầu Việt Nam với tốc độ phát triển trung bình 30-40%/năm và số tiền nộp ngân sách nhà nước hàng năm tương đương với một tỉnh lớn của Việt Nam. FPT phát triển khá bền vững và khẳng định được vị thế cũng như danh tiếng tại Việt Nam. Trước tình hình và quy mô mới, FPT thực hiện một số thay đổi để tiếp tục phát triển."

Thay đổi, tái cấu trúc để phù hợp với giai đoạn phát triển mới và hướng đến chuẩn mực quốc tế

Năm 2009 là mốc đánh dấu lịch sử phát triển của FPT sang một trang mới. Sau hơn 20 năm, FPT đã trở thành một công ty công nghệ hàng đầu Việt Nam với tốc độ phát triển trung bình 30-40%/năm và số tiền nộp ngân sách nhà nước hàng năm tương đương với một tỉnh lớn của Việt Nam. FPT phát triển khá bền vững và khẳng định được vị thế cũng như danh tiếng tại Việt Nam. Trước tình hình và quy mô mới, FPT thực hiện một số thay đổi để tiếp tục phát triển, cụ thể như sau:

Một là, tách bạch chức năng quản lý của Hội đồng Quản trị và chức năng điều hành của Ban Tổng Giám đốc. Các thành viên Hội đồng Quản trị kiêm nhiệm chức năng điều hành như ông Trương Gia Bình, Ông Lê Quang Tiến, Ông Bùi Quang Ngọc... đều thôi công việc điều hành trong Ban Tổng Giám đốc. Ban Tổng Giám đốc FPT cũng được bổ sung 4 lãnh đạo trẻ, sáng tạo, có chuyên môn sâu trong lĩnh vực mình phụ trách.

Ngoài ra, Hội đồng Quản trị 2009 đã được bổ sung thêm thành viên mới quốc tịch Anh, ông Jonathon Waugh – người có chuyên môn về tài chính với nhiều năm tham gia quản lý các công ty tài chính, quỹ đầu tư tại Việt Nam và am hiểu hệ thống quản trị doanh nghiệp ở các nước phát triển.

Hai là, Hội đồng Quản trị thông qua chủ trương tái cấu trúc Tập đoàn FPT, trong đó tập trung vào hai mảng chính là quản trị doanh nghiệp và quản trị tài chính. Năm 2009, với sự tư vấn của Công ty Deloitte, Hội đồng Quản trị lần đầu tiên đã ban hành Quy định Quản trị công ty gồm Quy định cơ cấu tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc, Quy định quản trị giữa FPT và các công ty thành viên.

Theo đó, Hội đồng Quản trị FPT đã thành lập các ủy ban hỗ trợ gồm: Ủy ban thường trực, Ủy ban Tổ chức cán bộ, Ủy ban Kiểm soát nội bộ, Hội đồng chiến lược và Văn phòng Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ba là, Hội đồng Quản trị cũng đẩy mạnh hoạt động tái cấu trúc tổ chức công ty. Năm 2009, Hội đồng Quản trị đã thông qua nghị quyết hợp nhất một số công ty để thành hai công ty lớn là Công ty Thương mại FPT và công ty về nội dung số. Cũng trong năm 2009, Hội đồng Quản trị đã thông qua phương án cổ phần hóa hai công ty thành viên là Công ty Hệ thống Thông tin FPT và Công ty Thương mại FPT.

Bốn là, Hội đồng Quản trị FPT đã áp dụng các công cụ tài chính mới theo chuẩn mực quốc tế để đa dạng hóa kênh huy động vốn cho Tập đoàn. FPT đã phát hành thành công 1.800 trái phiếu kèm chứng quyền với tổng giá trị phát hành là 1.800 tỷ đồng vào ngày 09/10/2009. Đợt phát hành trái phiếu này không những mang lại lợi ích cho FPT mà cả lợi ích cho các cổ đông. Với việc sử dụng sản phẩm tài chính mới có sự kết hợp đặc tính giữa trái phiếu và cổ phiếu, FPT đã thành công trong việc huy động được nguồn vốn cần thiết với mức chi phí thấp và do vậy, giúp tối đa hóa lợi ích và thu nhập trên mỗi cổ phiếu của các cổ đông.

Năm là, Hội đồng Quản trị FPT tái khẳng định FPT là Tập đoàn Công nghệ Thông tin và Viễn thông, xác định các ngành nghề kinh doanh chủ chốt để làm cơ sở định hướng phát triển của Tập đoàn FPT gồm: viễn thông, công nghiệp nội dung và các dịch vụ công nghệ thông tin.

Tiếp tục theo đuổi chiến lược “Vì công dân điện tử”

Chiến lược dài hạn Vì Công dân điện tử (e-Citizen) của Tập đoàn FPT được Chủ tịch Hội đồng Quản trị Trương Gia Bình xác định từ năm 2007 dựa trên nhận định: Các dịch vụ điện tử sẽ là những phương tiện quan trọng, vượt trội giúp các tổ chức có thể hoạt động và cạnh tranh một cách hiệu quả cũng như đem lại cho người tiêu dùng sự thoải mái và tiện nghi trong cuộc sống. Những tổ chức và những người tiêu dùng này được FPT đặt tên là những Công dân điện tử (e-Citizen). Và chiến lược của FPT là tạo ra hệ thống giá trị gia tăng trên nền tảng công nghệ thông tin và viễn thông nhằm thoả mãn tối đa nhu cầu của các đối tượng này.

Tại Hội nghị Chiến lược FPT năm 2009, FPT khẳng định tiếp tục kiên trì theo đuổi chiến lược “Vì công dân điện tử”, dựa trên nền tảng Công nghệ thông tin và Viễn thông, hợp lực sức mạnh tổng hợp từ tất cả các đơn vị thành viên của FPT để đưa ra các sản phẩm/ dịch vụ tiến vào thị trường tiêu dùng đại chúng.

FPT sẽ hướng đến việc đưa ra các sản phẩm/dịch vụ thân thuộc với người sử dụng, tích hợp đầy đủ các ứng dụng như truyền thông, quảng cáo, thanh toán điện tử, ngân hàng điện tử, thương mại điện tử, game, học trực tuyến, các dịch vụ giải trí như chat, diễn đàn, đọc tin chọn lọc, chia sẻ video... Và sự hiệp lực của các công ty thành viên FPT chính là nền tảng để đưa ra sản phẩm/dịch vụ đa năng đó.

Kế hoạch kinh doanh 2010

Các dự báo về nền kinh tế toàn cầu đều cho thấy cuộc khủng hoảng tài chính thế giới đã được kiểm soát và năm 2010 kinh tế thế giới sẽ dần phục hồi. Theo Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), kinh tế thế giới năm 2010 sẽ tăng trưởng 3,1% so với mức 1,1% năm 2009. Hiện vẫn còn quá sớm để khẳng định nền kinh tế thế giới đã bước vào chu kỳ hồi phục bền vững vì sự phục hồi trong thời gian qua chủ yếu nhờ vào chính sách kích thích kinh tế của chính phủ các nước, nên khi các biện pháp này cắt giảm, khó khăn có thể sẽ lại xuất hiện.

Việc kinh tế thế giới có dấu hiệu phục hồi là điều kiện thuận lợi cho kinh tế Việt Nam năm 2010. Các chuyên gia dự báo mức tăng trưởng GDP của Việt Nam trong năm 2010 có thể đạt 6,5% so với mức 5,3% năm 2009. Tuy nhiên, Việt Nam có thể vẫn phải đối mặt với những rủi ro. Cụ thể, về mặt vĩ mô sẽ là nguy cơ thâm hụt ngân sách, thâm hụt thương mại, thâm hụt thanh toán, lạm phát cao quay trở lại, áp lực về lãi suất và tỷ giá.

Dựa trên dự đoán tình hình kinh tế thế giới và Việt Nam, dựa trên định hướng chiến lược dài hạn của FPT, Hội đồng Quản trị FPT đưa ra kế hoạch kinh doanh 2010 với các mục tiêu chính như sau:

- Tiếp tục giữ vững vị trí đứng đầu, tận dụng mọi cơ hội để tăng doanh thu và lợi nhuận trên các mảng kinh doanh chủ chốt.
- Mở rộng sự hiện diện của Tập đoàn cả trong và ngoài nước.
- Đầu tư vào công tác nghiên cứu và phát triển để đưa ra những sản phẩm/dịch vụ có sức cạnh tranh và mang thương hiệu FPT.

Hội đồng Quản trị cũng đã thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2010 như sau:

Đơn vị: tỷ VND

Chi tiêu	Năm 2009	Năm 2010	Tăng trưởng so với năm 2009
Doanh thu toàn Tập đoàn	18.742	22.996	23%
Lợi nhuận trước thuế	1.698	2.119	25%
Lợi nhuận sau thuế	1.406	1.700	21%
Lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ	1.063	1.279	20%
EPS	7.498	8.928*	19%

* Chưa tính chia tách cổ phiếu

Dù tình hình kinh tế Việt Nam có tín hiệu khả quan nhưng vẫn còn nhiều rủi ro tiềm ẩn, Hội đồng Quản trị FPT sẽ theo dõi sát tình hình và chính sách vĩ mô của Chính phủ để có thay đổi kịp thời nhằm đảm bảo tiếp tục giữ vững tăng trưởng và đảm bảo các lợi ích như đã cam kết với cổ đông.

Để vượt qua thách thức và hoàn thành những mục tiêu chung, Tập đoàn FPT mong muốn nhận được sự ủng hộ và cam kết gắn bó lâu dài của các Quý cổ đông, các đối tác và toàn thể cán bộ nhân viên FPT.

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2009

■ Tổng doanh thu Tập đoàn tăng trưởng	11,5%	so với 2008
■ Lợi nhuận trước thuế toàn Tập đoàn tăng trưởng	36,9%	
■ Lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ tăng trưởng	27,2%	
■ Lãi cơ bản trên cổ phiếu công ty tăng trưởng	25,8%	

Tóm tắt kết quả kinh doanh 2009

Tổng doanh thu Tập đoàn tăng trưởng 11,5% đạt 18.741,7 tỷ VND, vượt 8% kế hoạch đề ra.

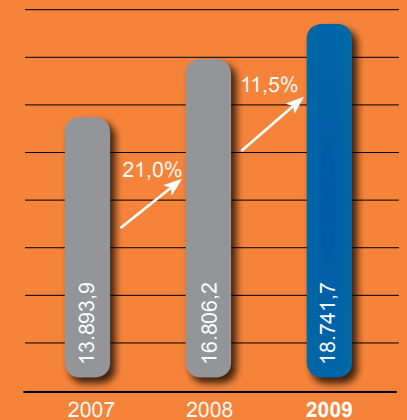
Lợi nhuận trước thuế toàn Tập đoàn đạt 1.697,5 tỷ VND, tăng 36,9% so với năm 2008 và vượt 12% kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ đạt 1.063,3 tỷ VND, tăng 27,2% so với cùng kỳ và vượt 17% kế hoạch năm. Lãi cơ bản trên cổ phiếu công ty đạt 7.498 VND, tăng 25,8% so với năm 2008. Để đạt được các chỉ số ấn tượng này, các ngành tích hợp hệ thống, viễn thông và đào tạo, với tỷ trọng gần 60% lợi nhuận toàn Tập đoàn, đã có một năm kinh doanh thành công vượt bậc làm nhẹ bớt sự sụt giảm lợi nhuận từ các lĩnh vực xuất khẩu phần mềm và phân phối.

Đơn vị: tỷ VND

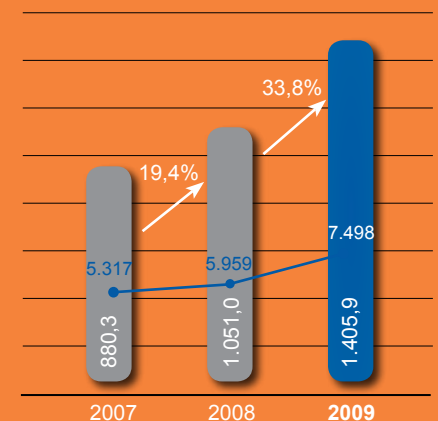
Khoản mục	Năm 2008	Năm 2009	Tăng trưởng so với năm 2008
Tổng doanh thu Tập đoàn	16.806,2	18.741,7	11,5%
Lãi trước thuế	1.240,1	1.697,5	36,9%
Lãi sau thuế	1.051,0	1.405,9	33,8%
Lãi sau thuế cổ đông công ty mẹ	836,3	1.063,3	27,2%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu bình quân	5.959	7.498	25,8%

Phát hành trái phiếu

Tháng 10/2009, FPT đã phát hành thành công 1.800 tỷ VND trái phiếu kỳ hạn 3 năm kèm chứng quyền với mức lãi suất 7%, thấp nhất từ trước đến nay trên thị trường vốn Việt Nam (cho doanh nghiệp ngoài quốc doanh). Mỗi một trái phiếu mệnh giá 1 tỷ VND có 1.158 chứng quyền được phát hành. Mỗi chứng quyền tương đương với quyền mua 10 cổ phần. Chứng quyền có thể được thực hiện hàng năm từ năm 2011 tới năm 2013 với giá thực hiện c hứng quyền là 920.250 VND/một chứng quyền.



TỔNG DOANH THU TẬP ĐOÀN
Đơn vị: tỷ VND



LỢI NHUẬN SAU THUẾ
Đơn vị: tỷ VND

■ Lợi nhuận sau thuế (tỷ VND)
— EPS (VND)

Thực hiện nghĩa vụ Ngân sách Nhà nước

Trong năm 2009, Tập đoàn FPT đã nộp vào Ngân sách Nhà nước 3.026 tỷ VND.

Các hoạt động đầu tư đang triển khai

Dự án trụ sở 89 Láng Hạ có mức đầu tư 600 tỷ VND bao gồm tòa nhà 27 tầng với tổng diện tích sàn là 30.000 m². Công trình dự kiến đưa vào sử dụng trong năm 2012.

Dự án xây dựng Đại học FPT tại khu công nghệ cao Hòa Lạc: FPT đã thông qua bổ sung vốn 100 tỷ VND để xây dựng Đại học FPT.

Dự án FPT City Đà Nẵng: thông qua việc góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Đô thị FPT Đà Nẵng có vốn điều lệ 350 tỷ VND, trong đó Công ty Cổ phần FPT góp 99,8%

**Báo cáo của
Ban Tổng Giám đốc**



Tình hình tài chính

Khả năng sinh lời

Chỉ tiêu	2007	2008	2009
Lãi gộp/Doanh thu	14,5%	18,2%	20%
Lợi nhuận thuần/Doanh thu	7,1%	7,3%	9%
Lãi ròng/Doanh thu	6,5%	6,4%	8%
ROA	18,1%	13,2%	14,1%
ROE	39,2%	37,0%	37,6%

Dựa vào chiến lược tạo thêm giá trị gia tăng cho hoạt động kinh doanh, trong năm 2009, FPT đã dịch chuyển thành công tỷ trọng doanh thu sang lĩnh vực phần mềm và dịch vụ. Theo đó tốc độ tăng trưởng lợi nhuận sau thuế tăng 34%, gấp ba lần tốc độ tăng trưởng doanh thu và kéo theo tỷ suất lợi nhuận ròng/doanh thu 2009 đạt 8%.

Về hiệu quả đầu tư, tỷ lệ lãi ròng/vốn chủ sở hữu (ROE) đạt 37,6 %, trong khi chỉ số này của toàn ngành công nghệ thông tin là 26,8% (theo stox.vn), phản ánh rõ hiệu quả sử dụng vốn trong hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

Hệ số thanh toán

Chỉ tiêu	2007	2008	2009
Hệ số thanh toán hiện thời	1,4	1,5	1,6
Hệ số thanh toán nhanh	1,0	1,1	1,3

Các hệ số thanh toán không có biến động mạnh và được duy trì ở mức an toàn trong năm (lớn hơn 1), luôn đảm bảo khả năng thanh toán và phản ánh hiệu quả quản lý vòng quay tài sản lưu động chung của Tập đoàn.

Kết quả kinh doanh theo lĩnh vực

Công nghệ thông tin và Viễn thông

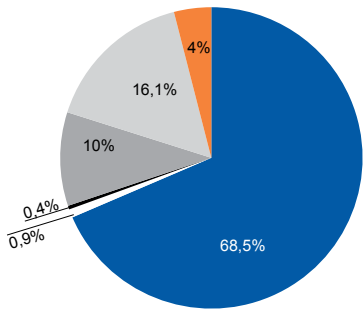
Công nghệ thông tin và Viễn thông là mảng kinh doanh cốt lõi của Tập đoàn FPT với tỷ trọng doanh thu chiếm 99% tổng doanh thu Tập đoàn.

Công ty	Doanh thu* (tỷ VND)	Tăng trưởng so với năm 2008	Lợi nhuận trước thuế (tỷ VND)	Tăng trưởng so với năm 2008
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	1.851,5	42,5%	540,0	51,3%
Công ty Cổ phần Hệ thống Thông tin FPT	2.994,6	8,1%	414,8	29,3%
Công ty Cổ phần Phần mềm FPT	746,2	4,5%	209,5	-6,5%
Công ty Cổ phần Thương mại FPT	12.722,2	7,7%	364,3	-13,4%
Đại học FPT	175,9	26,5%	61,2	40,3%
Khác**	72,8	39,7%	23,3	7,4%
Tổng số ngành Công nghệ thông tin & Viễn thông	18.563,3	10,6%	1.613,7	16,2%

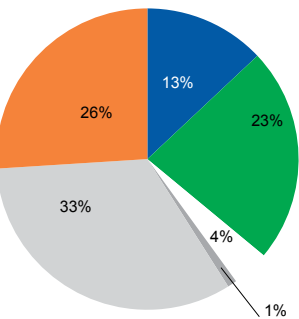
* Doanh thu bao gồm doanh thu bán cho khách hàng bên ngoài và doanh thu bán cho các đơn vị Tập đoàn với mục đích kinh doanh (ví dụ: FPT Telecom bán dịch vụ Internet cho các đơn vị trong Tập đoàn)

** Khác: bao gồm Công ty TNHH Dịch vụ Tin học FPT và Công ty Cổ phần FPT Visky

Doanh thu



Lợi nhuận trước thuế



1. Công ty Cổ phần Hệ thống Thông tin FPT - FPT IS

Kết quả kinh doanh 2009

Là công ty số 1 Việt Nam trong lĩnh vực tích hợp hệ thống, giải pháp phần mềm và dịch vụ tin học với thị phần ước tính 35%, FPT IS đã nỗ lực hoàn thành kế hoạch kinh doanh đề ra. Doanh thu đạt gần 3.000 tỷ VND, tăng 8,1% và lợi nhuận trước thuế đạt gần 415 tỷ VND, tăng 29,3% so với 2008. Kết quả kinh doanh này đã đóng góp đáng kể vào tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận Tập đoàn.

Chỉ tiêu	2008	2009	Tăng trưởng so với năm 2008
Doanh thu (tỷ VND)	2.763,2	2.994,6	8,1%
Lợi nhuận trước thuế (tỷ VND)	320,7	414,8	29,3%
Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	11,6%	13,9%	
Số lượng nhân viên	1.742	2.034	11%

Với tốc độ tăng trưởng của lợi nhuận trước thuế cao hơn tốc độ tăng trưởng doanh thu, biên lợi nhuận trước thuế của FPT IS cải thiện một cách đáng khích lệ: từ 9,8% năm 2007 lên 13,9% năm 2009. Đây là thành quả của phương thức quản lý hiệu quả các nguồn vốn, chủ trương tiết kiệm chi phí và đặc biệt là việc gia tăng tỷ trọng giải pháp phần mềm và dịch vụ tin học trong tổng doanh số.

Kế hoạch kinh doanh 2010

Chỉ tiêu	2009	2010	Tăng trưởng so với năm 2009
Doanh thu	2.994	3.450	15%
Lợi nhuận	414	480	16%

Trong năm 2010, FPT IS tiếp tục phát huy vai trò làm tổng thầu các dự án lớn và tìm kiếm cơ hội tham gia các dự án lớn khác trên thị trường quốc tế. Về sản phẩm, FPT IS sẽ mở rộng các giải pháp ứng dụng lõi cho khách hàng bao gồm tìm kiếm mua các giải pháp ứng dụng có bản quyền quốc tế, tiếp tục hoàn thành các giải pháp ứng dụng đang phát triển.

Về toàn cầu hóa, FPT IS đặt mục tiêu tăng trưởng 50% trong năm 2010 thông qua việc mở văn phòng tại một số nước Châu Á và khả năng tăng trưởng bên ngoài thông qua mua bán sáp nhập công ty.



Kết quả kinh doanh theo lĩnh vực

2. Công ty Cổ phần Phần mềm FPT - FPT Software

Kết quả kinh doanh 2009

Khởi đầu một năm 2009 với môi trường kinh doanh đầy khó khăn, là đơn vị đóng vai trò mũi nhọn trong chiến lược toàn cầu hóa của Tập đoàn, FPT Software vẫn giữ mức tăng trưởng doanh thu đáng ghi nhận là 4,5%, đạt 746,2 tỷ đồng (tương đương 42,2 triệu USD) và tiếp tục dẫn đầu về xuất khẩu phần mềm tại Việt Nam.

Đơn vị : tỷ VND			
Chỉ tiêu	2008	2009	Tăng trưởng so với năm 2008
Doanh thu	714,3	746,2	4,5%
Lợi nhuận trước thuế	224,1	209,5	-6,5%
Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	31,7%	28,1%	
Số lượng nhân viên (người)	2.617	2.506	-4%

Sự suy giảm 6% về doanh thu tại thị trường Nhật Bản trong năm 2009 đã được cân bằng bởi sự khởi sắc ấn tượng của thị trường Mỹ với tăng trưởng 33%. Để đạt được mục tiêu doanh thu 100 triệu USD vào năm 2012, cùng bước đệm vững chắc 2009, FPT Software tiếp tục chiến lược mở rộng đầu tư sang các thị trường mới trong đó Mỹ là trọng tâm.

Là ngành nghề dịch vụ với tỷ trọng giá trị gia tăng cao, chỉ với 4% đóng góp vào tổng doanh thu toàn Tập đoàn, FPT Software mang lại hơn 13% lợi nhuận trước thuế cho Tập đoàn.

Kế hoạch kinh doanh 2010

Mục tiêu tăng trưởng năm 2010 của FPT Software là 40%, với mốc doanh số là 1.050 tỷ VND (tương đương 54 triệu USD) và lợi nhuận trước thuế ở mức 290 tỷ VND.

Để đạt được kế hoạch đầy tham vọng này, Công ty tiếp tục nâng cao khả năng cung cấp các giải pháp chuyên sâu trong các lĩnh vực ngân hàng, bán lẻ và phần mềm nhúng với những dự án có giá trị từ một triệu USD trở lên.

3. Công ty Cổ phần Viễn thông FPT - FPT Telecom

Kết quả kinh doanh 2009

FPT Telecom là một trong những nhà cung cấp dịch vụ Internet và Viễn thông hàng đầu Việt Nam. Năm 2009, doanh thu của FPT Telecom có mức tăng trưởng đột phá

đạt 1.851,5 tỷ VND, tăng 42,5%, kéo theo lợi nhuận trước thuế lên mức 540,2 tỷ VND, tăng 51,3% so với 2008. Sự tăng trưởng này có được là do sự phát triển cả về chiều rộng với việc mở rộng vùng hoạt động thêm 15 tỉnh thành và chiều sâu với việc nâng cao chất lượng doanh thu từng thuê bao.

Đơn vị : tỷ VND			
Chỉ tiêu	2008	2009	Tăng trưởng so với năm 2008
Doanh thu	1.299,2	1.851,5	42,5%
Lợi nhuận trước thuế	356,9	540,2	51,3%
Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	27,5%	29,2%	
Số lượng nhân viên	2.007	2.816	40,0%

Với đặc thù là ngành dịch vụ, mặc dù chỉ đóng góp 10% vào doanh thu Tập đoàn, FPT Telecom là nguồn cung cấp gần 1/3 lợi nhuận trước thuế của FPT. Lợi nhuận biên trước thuế giữ vững ở mức cao và tăng dần từ 26,2% năm 2007 lên 29,2% năm 2009.

Cũng với mục đích đóng góp tăng trưởng doanh thu, FPT Telecom tích cực đầu tư vào hạ tầng cơ sở và hiện đang sở hữu hai tuyến cáp quang quốc tế. Tuyến thứ nhất nối với China Telecom ở Lạng Sơn có dung lượng 20 Gbps. Tuyến thứ hai là tuyến cáp quang biển AAG mà FPT Telecom sở hữu 1,7% và được quyền khai thác 40 Gbps.

Kế hoạch kinh doanh 2010

Chỉ tiêu	2009	2010	Tăng trưởng so với năm 2009
Doanh thu (tỷ VND)	1.852	2.700	46%
Lợi nhuận trước thuế (tỷ VND)	540	700	30%

Để đạt được mục tiêu tăng trưởng 46% trong năm 2010, FPT Telecom tập trung vào ba yếu tố sau:

- Tăng cường chất lượng dịch vụ: FPT Telecom đề ra mục tiêu liên tục phát triển các chương trình chất lượng xuyên suốt trong năm. Về tốc độ đường truyền, Công ty sẽ nâng cấp băng thông với dung lượng quốc tế đến cuối năm 2010 đạt 45 Gb, tăng 20 Gb so với cuối năm 2009.
- Tiếp tục đầu tư: FPT Telecom đầu tư để mở rộng vùng phủ thông qua việc xây dựng tuyến trục Bắc – Nam. Chiến lược đầu tư ra nước ngoài đã được lựa chọn với việc liên kết kinh doanh hoặc mua bán sáp nhập.
- Mở rộng địa bàn hoạt động: Công ty đặt mục tiêu phát triển 250.000 thuê bao mới trên toàn quốc cùng với việc mở rộng địa bàn hoạt động thêm 18 tỉnh thành.

4. Công ty Cổ phần Thương mại FPT – FPT Trading

Kết quả kinh doanh 2009

FPT Trading là đơn vị đóng góp lớn nhất vào doanh thu cho FPT qua các năm và ở mức 68,5% cho năm 2009. Do biên lợi nhuận của hoạt động phân phối ở mức thấp, dưới 3%, nên tỷ trọng đóng góp lợi nhuận của mảng này chỉ chiếm 22,6%.

Đơn vị : tỷ VND			
Chỉ tiêu	2008	2009	Tăng trưởng so với năm 2008
Doanh thu	11.807,2	12.722,2	7,7%
Lợi nhuận trước thuế	420,8	364,3	-13,4%
Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	3,8%	2,9%	
Số lượng nhân viên	1.293	1.269	-3%

Kết thúc năm tài chính 2009, năm được dự báo gặp nhiều khó khăn, áp lực cạnh tranh cao, doanh số FPT Trading đạt 12.722,2 tỷ VND, tăng 7,7% và lợi nhuận trước thuế đạt 364,3 tỷ VND, giảm 13,4% so với năm 2008.

Các mảng phân phối sản phẩm công nghệ thông tin của Công ty đều hoàn thành kế hoạch doanh số ở mức khá cao: sản phẩm và thiết bị công nghệ thông tin 114%, điện thoại di động 113%, bán lẻ 122% và đều duy trì được mức tăng trưởng tốt như sản phẩm và thiết bị công nghệ thông tin 33%, bán lẻ 69%. Việc duy trì mức tăng trưởng doanh số qua các năm đã giúp FPT Trading luôn giữ được vị thế đứng đầu trong lĩnh vực phân phối sản phẩm công nghệ thông tin và viễn thông.

Mảng sản xuất các sản phẩm công nghệ của FPT Trading cũng thu được những thành tựu đáng chú ý. Trong năm 2009, FPT Elead sản xuất được trên 70.000 chiếc máy tính, vượt 16% kế hoạch. F-mobile là thương hiệu điện thoại di động của Tập đoàn FPT, vừa ra mắt vào đầu tháng 06/2009 nhưng đã được người tiêu dùng Việt Nam đón nhận. Với việc hợp nhất 2 công ty thành viên của mình là Công ty Cổ phần Elead và Công ty Công nghệ Di động FPT thành Công ty Sản phẩm Công nghệ FPT (FTP) với đầy đủ các chức năng R&D, sản xuất, phân phối và dịch vụ, FTP được dự đoán sẽ thúc đẩy sự tăng trưởng mạnh mẽ cho FPT Trading trong tương lai.

Kế hoạch kinh doanh 2010

Đơn vị : tỷ VND			
Chỉ tiêu	2009	2010	Tăng trưởng so với năm 2009
Doanh thu	12.722	15.212	19%
Lợi nhuận trước thuế	364	384	5%

Trong năm 2010, nhiệm vụ trọng tâm của FPT Trading là tái cấu trúc mô hình phân phối để nâng cao hiệu quả, hợp lực sức mạnh của các công ty thành viên và gia tăng tỷ lệ sản phẩm thương hiệu FPT. Công ty sẽ chuyển dần từ phân phối đơn thuần sang sản xuất, marketing và phân phối các sản phẩm công nghệ.

FPT Trading đưa mục tiêu đạt mốc doanh số 1 tỉ USD vào năm 2012, lợi nhuận tăng từ 8 – 10% một năm, gia tăng tỉ lệ sản phẩm thương hiệu FPT và chú trọng việc xây dựng mô hình kinh doanh mới made-plan-sell cho các sản phẩm của mình.

5. Đại học FPT

Kết quả kinh doanh 2009

Trong năm tài chính 2009, Đại học FPT đạt doanh thu 175,8 tỷ VND, tăng 26,5% với lợi nhuận ở mức 61,2 tỷ VND, tăng 40,3% so với năm 2008.

Đơn vị : tỷ VND			
Chỉ tiêu	2008	2009	Tăng trưởng so với năm 2008
Doanh thu	139,1	175,8	26,5%
Lợi nhuận	43,6	61,2	40,3%
Lợi nhuận/Doanh thu	32,4%	34,8%	

Kế hoạch kinh doanh 2010

Đơn vị : tỷ VND			
Chỉ tiêu	2009	2010	Tăng trưởng so với năm 2009
Doanh thu	175,8	300	63%
Lợi nhuận	61,2	90	50%
Tuyển sinh mới (sinh viên)		6.000	55%

Năm 2010, Đại học FPT định hướng tiếp tục tăng trưởng các dịch vụ đào tạo truyền thống (kỹ sư công nghệ thông tin, Aptech, Arena), triển khai tốt các sản phẩm mới định hình trong 2009 (Quản trị kinh doanh, Top-Up), đồng thời sẽ dành 10 tỷ VND để phát triển các sản phẩm, dịch vụ mang tính đại chúng về đầu vào và yêu cầu chuyên môn, giá cả phù hợp, triển khai được trên diện rộng.

6. Lĩnh vực khác: Công ty TNHH Dịch vụ Tin học FPT và Công ty Cổ phần FPT Visky

Hai công ty nhỏ khác hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin và viễn thông là Công ty TNHH Dịch vụ Tin học FPT và Công ty Cổ phần FPT Visky đều có kết quả kinh doanh tốt, đóng góp một phần không nhỏ vào kết quả kinh doanh của FPT.

Kết quả kinh doanh theo lĩnh vực

Đầu tư

Ba công ty liên kết hoạt động trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng được FPT đầu tư là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong, Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư FPT và Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT (FPTS) đều có kết quả kinh doanh tốt và có lãi trong năm tài chính 2009. Theo đó lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) của các công ty này lần lượt là 1.166 VND (Ngân hàng Tiên Phong), 3.666 VND (Công ty Quản lý Quỹ FPT) và 2.739 VND (Công ty Chứng khoán FPT).

Cả 3 công ty đều khai thác triệt để công nghệ thông tin là thế mạnh của FPT vào lĩnh vực hoạt động của mình. Đặc biệt, FPTS là một trong số những công ty chứng khoán đầu tiên đạt yêu cầu kết nối giao dịch từ xa với HNX và cũng là một trong những công ty chứng khoán kết nối giao dịch trực tuyến với HOSE sớm nhất. Tính cả năm 2009, về thị phần môi giới cổ phiếu và chứng chỉ quỹ tại HOSE, FPTS giữ vị trí thứ 6. Tại HNX, FPTS giữ vị trí thứ 5.

Hoạt động đầu tư trong lĩnh vực bất động sản trước hết nhằm đáp ứng mục tiêu xây dựng những cơ sở hạ tầng hoàn chỉnh cho Tập đoàn FPT, tiếp đến là những công trình xây dựng có hàm lượng ứng dụng công nghệ cao, tạo ra tiện ích và lợi ích cho người sử dụng

Các biện pháp quản trị nổi bật trong 2009

Bước vào năm 2009, trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu và Việt Nam gặp nhiều khó khăn vì khủng hoảng tài chính, Ban Tổng Giám đốc đã đề ra nhiều biện pháp điều hành linh hoạt và đổi mới:

Thứ nhất, yêu cầu các đơn vị trong Tập đoàn đưa ra các phương án kế hoạch khác nhau để sẵn sàng trước những tác động không lường từ bên ngoài.

Thứ hai, triển khai áp dụng các mô hình quản lý và điều hành theo chuẩn mực quốc tế. Bước đầu được thực hiện tại công ty mẹ của FPT ở hai lĩnh vực quan trọng: xác định mô hình chuẩn cho các hoạt động tài chính và xây dựng chiến lược truyền thông và thương hiệu.

Thứ ba, thúc đẩy việc hợp tác nội bộ trong Tập đoàn để đem lại những giá trị gia tăng mới cho khách hàng; nâng cao năng lực cạnh tranh và tối ưu hóa hoạt động của một số công ty cùng định hướng kinh doanh.

Thứ tư, tăng cường và nâng cao chất lượng đội ngũ lãnh đạo FPT. Năm 2009, FPT thành lập Học viện Đào tạo cán bộ lãnh đạo FPT (FLI) và quyết định triển khai chương trình đào tạo Mini MBA dành cho cán bộ quản lý cấp cao trên phạm vi toàn Tập đoàn. Dự kiến sẽ có gần 900 cán bộ tham gia chương trình này trong hai năm.

Với việc thực hiện các biện pháp nêu trên, chúng tôi đã vượt qua các khó khăn và hoàn thành kế hoạch năm 2009, tạo tiền đề quan trọng cho các hoạt động năm 2010.



Báo cáo tài chính



Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần FPT (gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Tập đoàn trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trương Gia Bình	Chủ tịch
Ông Lê Quang Tiến	Phó Chủ tịch
Ông Bùi Quang Ngọc	Phó Chủ tịch
Ông Hoàng Minh Châu	Phó Chủ tịch
Bà Trương Thị Thanh Thanh	Phó Chủ tịch
Ông Jonathon Ralph Alexander Waugh	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 29/03/2009)
Ông Đỗ Cao Bảo	Ủy viên
Ông Nguyễn Thành Nam	Ủy viên
Ông Nguyễn Điệp Tùng	Ủy viên
Ông Hoàng Nam Tiến	Ủy viên
Ông Trương Đình Anh	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Trương Gia Bình	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 13/04/2009)
Ông Nguyễn Thành Nam	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 13/04/2009)
Ông Bùi Quang Ngọc	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/01/2010)
Ông Lê Trung Thành	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01/01/2010)
Ông Hoàng Minh Châu	Phó Tổng Giám đốc khu vực phía Nam (miễn nhiệm ngày 03/06/2009)
Ông Đỗ Cao Bảo	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/06/2009)
Ông Trương Đình Anh	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01/07/2009)
Ông Lê Quang Tiến	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/06/2009)
Ông Phan Đức Trung	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01/06/2009)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

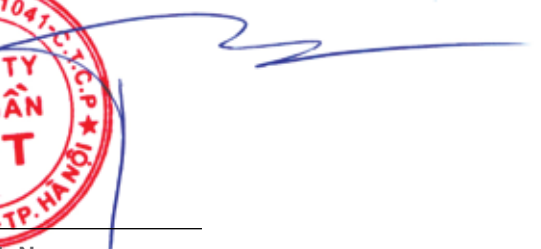
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Thanh Nam
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2010

Báo cáo của Kiểm toán viên

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần FPT

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần FPT và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1 và 2, Ban Giám đốc có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác, với ý kiến chấp nhận toàn phần theo báo cáo kiểm toán ngày 27 tháng 3 năm 2009.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Trần Thị Thúy Ngọc
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0031/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 06 tháng 3 năm 2010
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Vũ Đức Nguyên
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0764/KTV

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	31/12/2008
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		7.678.505.205.644	4.658.263.302.412
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	2.310.510.026.631	1.242.502.927.497
1.	Tiền	111		1.491.536.580.828	1.088.022.490.228
2.	Các khoản tương đương tiền	112		818.973.445.803	154.480.437.269
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		619.749.470.020	-
1.	Đầu tư ngắn hạn	121	7	619.749.470.020	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.545.551.247.664	1.994.169.987.920
1.	Phải thu khách hàng	131		1.885.705.039.414	1.541.292.025.933
2.	Trả trước cho người bán	132		395.080.550.520	271.888.719.628
3.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng	134	8	94.000.086.462	92.724.478.378
4.	Các khoản phải thu khác	135	9	192.908.486.005	107.083.598.814
5.	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	10	(22.142.914.737)	(18.818.834.833)
IV.	Hàng tồn kho	140	11	1.426.043.318.661	1.223.957.881.179
1.	Hàng tồn kho	141		1.434.709.059.638	1.230.872.064.900
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(8.665.740.977)	(6.914.183.721)
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		776.651.142.668	197.632.505.816
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		93.984.073.973	40.370.582.395
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	152		209.295.620.060	143.679.733.662
3.	Các khoản khác phải thu Nhà nước	154		25.940.696.199	1.363.407.276
4.	Tài sản ngắn hạn khác	158	12	447.430.752.436	12.218.782.483
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250+260+270)	200		2.716.910.212.438	1.466.570.854.462
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		108.965.000	-
1.	Phải thu dài hạn khác	218		126.000.000	-
2.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(17.035.000)	-
II.	Tài sản cố định	220		1.638.511.702.799	960.726.163.328
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	14	1.023.899.820.620	694.250.036.187
-	Nguyên giá	222		1.726.364.651.536	1.207.764.590.999
-	Giá trị hao mòn lũy kế	223		(702.464.830.916)	(513.514.554.812)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224	13	146.539.767	153.670.867
-	Nguyên giá	225		219.809.549	180.473.274
-	Giá trị hao mòn lũy kế	226		(73.269.782)	(26.802.407)
3.	Tài sản cố định vô hình	227	15	231.519.697.756	44.566.041.768
-	Nguyên giá	228		290.955.021.013	83.092.578.511
-	Giá trị hao mòn lũy kế	229		(59.435.323.257)	(38.526.536.743)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	16	382.945.644.656	221.756.414.506
III.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		909.809.195.845	290.070.028.679
1.	Đầu tư vào công ty liên kết	252	18	381.217.015.904	243.554.076.179
2.	Đầu tư dài hạn khác	258	19	560.288.966.270	47.695.852.500
3.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(31.696.786.329)	(1.179.900.000)
IV.	Lợi thế thương mại	260		5.998.500.000	-
V.	Tài sản dài hạn khác	270		162.481.848.794	215.774.662.455
1.	Chi phí trả trước dài hạn	271	20	81.868.941.413	153.151.586.037
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272	21	60.745.919.547	23.365.346.963
3.	Tài sản dài hạn khác	278		19.866.987.834	39.257.729.455
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280=100+200)		280		10.395.415.418.082	6.124.834.156.874

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính hợp nhất này

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	31/12/2008
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)		300		6.677.492.550.374	3.227.108.579.417
I. Nợ ngắn hạn		310		4.765.832.766.691	3.222.179.645.606
1.	Vay ngắn hạn	311	22	2.234.117.377.872	1.236.811.819.207
2.	Phải trả người bán	312		1.238.652.532.287	1.057.507.949.067
3.	Người mua trả tiền trước	313		271.716.587.949	336.639.630.984
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	23	353.374.958.348	189.056.164.373
5.	Phải trả người lao động	315		165.343.313.225	36.336.932.140
6.	Chi phí phải trả	316	24	126.991.982.610	122.981.748.223
7.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng	318		11.213.656.810	7.364.680.088
8.	Các khoản phải trả phải nộp khác	319	25	74.642.419.334	57.731.706.712
9.	Các khoản dự phòng	320	26	22.224.921.743	17.733.690.720
10.	Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		86.081.128.550	61.756.350.857
11.	Doanh thu chưa thực hiện	338		181.473.887.963	98.258.973.235
II. Nợ dài hạn		330		1.911.659.783.683	4.928.933.811
1.	Phải trả dài hạn khác	333		16.891.790.612	2.895.195.181
2.	Vay và nợ dài hạn	334	27	1.892.099.273.228	146.775.542
3.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	26	909.165.674	772.562.582
4.	Dự phòng phải trả dài hạn	337	26	1.759.554.169	1.114.400.506
B. NGUỒN VỐN (400=410+430)		400		3.002.250.920.696	2.376.232.966.468
I. Vốn chủ sở hữu		410	28	2.999.500.920.696	2.373.482.966.468
1.	Vốn điều lệ	411		1.438.319.670.000	1.411.620.740.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		54.851.281.360	54.851.281.360
3.	Cổ phiếu quỹ	414		(2.805.550.000)	(1.831.500.000)
4.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		5.986.559.541	3.164.755.291
5.	Quỹ đầu tư phát triển	417		103.009.261	103.009.261
6.	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	418		111.958.145.891	107.565.521.411
7.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.391.087.804.643	798.009.159.145
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		430		2.750.000.000	2.750.000.000
1.	Nguồn kinh phí	432		2.750.000.000	2.750.000.000
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ		500		715.671.947.012	521.492.610.989
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+500)		440		10.395.415.418.082	6.124.834.156.874


Nguyễn Thành Nam
Tổng Giám đốc

Ngày 06 tháng 3 năm 2010



Nguyễn Thế Phương
Kế toán trưởng

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính hợp nhất này

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU B 02-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	2009	2008
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		18.422.051.089.298	16.429.737.389.964
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		18.024.849.672	47.897.605.482
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	29	18.404.026.239.626	16.381.839.784.482
4.	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	30	14.718.672.820.347	13.403.403.743.013
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		3.685.353.419.279	2.978.436.041.469
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	187.940.956.789	197.472.172.458
7.	Chi phí hoạt động tài chính	22	32	445.370.907.248	495.236.445.170
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		109.698.561.121	80.487.827.505
8.	Chi phí bán hàng	24		527.090.976.624	526.659.179.440
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.306.345.365.897	963.266.210.770
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		1.594.487.126.299	1.190.746.378.547
11.	Thu nhập khác	31	33	185.589.495.174	191.150.989.872
12.	Chi phí khác	32	34	152.221.649.760	101.852.923.260
13.	Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		33.367.845.414	89.298.066.612
14.	Lợi nhuận/(lỗ) trong công ty liên kết	50		69.667.480.305	(39.959.075.351)
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (60=30+40+50)	60		1.697.522.452.018	1.240.085.369.808
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	61	35	329.028.781.416	212.403.699.319
17.	Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	62		(37.380.572.584)	(23.365.346.963)
18.	Lợi nhuận sau thuế (70=60-61-62)	70		1.405.874.243.186	1.051.047.017.452
18.1.	Lợi ích của cổ đông thiểu số	71		342.525.329.312	214.776.420.820
18.2.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	72		1.063.348.913.874	836.270.596.632
19.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	80	36	7.498	5.959


Nguyễn Thành Nam
Tổng Giám đốc

Ngày 06 tháng 3 năm 2010



Nguyễn Thế Phương
Kế toán trưởng

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính hợp nhất này

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU B 03-DN/HN
Đơn vị : VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2009	2008
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.697.522.452.018	1.240.085.369.808
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	304.181.269.102	239.579.866.501
- Các khoản dự phòng	03	35.592.523.489	12.782.651.645
- (Lợi nhuận)/Lỗ thuần từ đầu tư vào công ty liên kết		(61.900.439.725)	43.907.385.731
- Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính	04	4.275.227.360	6.050.173.517
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(66.555.746.627)	(17.516.291.771)
- Chi phí lãi vay	06	109.698.561.121	80.487.827.505
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	2.022.813.846.738	1.605.376.982.936
- (Tăng) các khoản phải thu	09	(554.814.304.648)	(180.373.800.109)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(203.836.994.738)	199.228.286.404
- Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	47.849.812.446	160.805.132.763
- Giảm chi phí trả trước	12	30.828.005.594	8.908.800.515
- Tiền lãi vay đã trả	13	(60.853.123.264)	(96.013.911.456)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(170.727.137.070)	(215.724.602.526)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	508.478.969
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(587.986.030.762)	(112.078.597.834)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	523.274.074.296	1.370.636.769.662
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(809.932.933.466)	(708.045.537.841)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	46.704.975.545	38.999.419.468
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.067.420.583.790)	-
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(144.122.000.000)	(23.900.000.000)
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	78.052.945.044	11.750.000.000
6. Tiền chi mua lại phần vốn góp của các cổ đông thiểu số		(7.331.500.000)	(1.920.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.904.049.096.667)	(683.116.118.373)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính hợp nhất này

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU B 03-DN/HN
Đơn vị : VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2009	2008
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	26.698.930.000	18.080.370.000
2. Vốn góp của các cổ đông thiểu số vào các công ty con		57.614.170.000	96.604.410.000
3. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(3.605.040.000)	(2.366.850.000)
4. Tiền vay ngắn hạn dài hạn nhận được	33	11.750.348.530.857	6.138.972.666.600
5. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(8.861.090.474.506)	(6.202.511.262.423)
6. Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36	(521.183.994.846)	(389.311.861.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	2.448.782.121.505	(340.532.527.223)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	1.068.007.099.134	346.988.124.066
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu năm	60	1.242.502.927.497	895.514.803.431
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối năm	70	2.310.510.026.631	1.242.502.927.497



Nguyễn Thành Nam
Tổng Giám đốc



Nguyễn Thế Phương
Kế toán trưởng

Ngày 06 tháng 3 năm 2010

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính hợp nhất này

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần FPT ban đầu là một công ty Nhà nước được thành lập tại Việt Nam và sau này được cổ phần hóa theo Quyết định số 178/QĐ-TTg và chính thức trở thành công ty cổ phần. Công ty Cổ phần FPT hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103001041 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 13/05/2002 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi.

Tại ngày 31/12/2009, Công ty Cổ phần FPT có 12 công ty con như sau:

- Công ty Cổ phần Hệ thống Thông tin FPT;
- Công ty Cổ phần Thương mại FPT;
- Công ty Cổ phần Viễn thông FPT;
- Công ty Cổ phần Phần mềm FPT;
- Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ Tin học FPT;
- Công ty Trách nhiệm hữu hạn Truyền thông Giải trí FPT;
- Công ty Cổ phần Quảng cáo FPT;
- Đại học FPT;
- Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phát triển Khu công nghệ cao Hoà Lạc FPT;
- Công ty Trách nhiệm hữu hạn Bất động sản FPT;
- Công ty Cổ phần Dịch vụ trực tuyến FPT;
- Công ty Cổ phần FPT Visky.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh ngày 19 tháng 12 năm 2008, Công ty đã đổi tên từ Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Công nghệ FPT thành Công ty Cổ phần FPT.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh ngày 24 tháng 08 năm 2009, tổng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần FPT tăng từ 1.411.620.740.000 đồng lên 1.438.319.670.000 đồng.

Từ tháng 12 năm 2006, cổ phiếu của Công ty Cổ phần FPT được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 9.566 người (năm 2008 là 8.634 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Tập đoàn là cung cấp các sản phẩm và dịch vụ thông tin, viễn thông và đầu tư. Các sản phẩm và cung cấp dịch vụ thông tin chủ yếu bao gồm: tích hợp hệ thống; sản xuất và cung cấp dịch vụ phần mềm; các dịch vụ ERP; phân phối sản phẩm công nghệ thông tin; phân phối điện thoại di động; dịch vụ giải pháp phần mềm; các dịch vụ viễn thông và internet; đào tạo; lắp ráp máy tính; bảo hành và bảo trì thiết bị công nghệ thông tin và thiết bị viễn thông và các dịch vụ viễn thông khác.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn đã được dịch sang Tiếng Anh từ bản báo cáo tài chính hợp nhất phát hành tại Việt Nam bằng ngôn ngữ Tiếng Việt.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG CÁC CHUẨN MỰC VÀ HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 15 tháng 10 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 201/2009/TT-BTC hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư số 201/2009/TT-BTC quy định việc ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối niên độ kế toán có sự khác biệt so với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC, việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày kết thúc niên độ không được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Trong trường hợp Tập đoàn bị lỗ, Tập đoàn có thể phân bổ một phần khoản lỗ chênh lệch tỷ giá trong vòng 5 năm tiếp theo sau khi đã trừ đi phần chênh lệch tỷ giá phát sinh tương ứng với phần nợ dài hạn đến hạn trả.

Ban Giám đốc quyết định không áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC và tin tưởng việc áp dụng theo VAS 10 sẽ phản ánh hợp lý hơn tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, cũng như phù hợp với thông lệ quốc tế.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định cho việc ghi nhận giá trị các tài sản, công nợ và việc trình bày các khoản tài sản, công nợ tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các khoản mục doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được hợp nhất từ các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các báo cáo tài chính của các công ty do Tập đoàn kiểm soát (các công ty con) được lập đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Tập đoàn có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính hợp nhất của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty con trong cùng Tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Tập đoàn. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tập đoàn vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tập đoàn tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tập đoàn tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tập đoàn trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình và không tính khấu hao theo chính sách của Tập đoàn.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho của Tập đoàn được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO), phương pháp hạch toán hàng tồn kho là phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tập đoàn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tập đoàn được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 25
Phương tiện vận tải	4 - 6
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Tài sản khác	2 - 3

Tài sản cố định thuê tài chính và khấu hao

Tài sản cố định thuê tài chính được hình thành từ giao dịch thuê tài chính, khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác không phải là thuê tài chính đều được xem là thuê hoạt động.

Tập đoàn ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Tập đoàn theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, trừ phi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Tập đoàn về chi phí đi vay.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

(i) Quyền phát hành và bản quyền

Giá mua quyền phát hành và bản quyền mới được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Quyền phát hành và bản quyền được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ ba đến năm năm.

(ii) Nhãn hiệu hàng hóa

Giá mua nhãn hiệu hàng hóa và thương hiệu được ghi nhận vào tài sản cố định vô hình. Nhãn hiệu hàng hóa và thương hiệu được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản này.

(iii) Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm vi tính này không là một bộ phận không thể tách rời với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ ba đến năm năm.

(iv) Giấy phép và nhượng quyền thương hiệu

Giá mua giấy phép và nhượng quyền thương hiệu được hạch toán như tài sản cố định vô hình. Giấy phép và nhượng quyền thương hiệu được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ ba đến năm năm. Quyền khai thác đường truyền internet tốc độ cao - dự án Asia America Gateway (“AAG”) được khấu hao theo thời gian được quyền khai thác đường truyền là 15 năm.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản đó ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê và chi phí thuê văn phòng. Các chi phí này được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn hợp đồng thuê.

Giá trị công cụ dụng cụ, dụng cụ xuất dùng, các thiết bị loại nhỏ và các chi phí tân trang văn phòng được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ dần vào chi phí trong vòng từ hai đến ba năm.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tập đoàn có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Dự phòng bảo hành

Dự phòng bảo hành liên quan chủ yếu đến số hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp. Dự phòng được lập dựa trên ước tính từ những số liệu về bảo hành trong các năm trước đó cho các sản phẩm và dịch vụ tương tự.

Dự phòng cho bảo lãnh các khoản ngân hàng cho sinh viên vay

Dự phòng cho bảo lãnh các khoản ngân hàng cho sinh viên vay là các bảo lãnh mà Đại học FPT đã cấp cho Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), chi nhánh Hà Thành và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong liên quan đến các khoản cho vay mà Ngân hàng cấp cho các sinh viên của Đại học FPT, một công ty con của Tập đoàn.

Các quỹ

(i) Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển được lập hàng năm bằng cách phân bổ lợi nhuận sau thuế. Từ năm 2006, theo các điều khoản và điều kiện quy định trong Điều lệ Công ty sửa đổi, Công ty không tiếp tục trích lập Quỹ đầu tư và phát triển.

Quỹ đầu tư và phát triển được sử dụng cho việc đầu tư mở rộng các hoạt động kinh doanh trong tương lai như đầu tư vốn vào các doanh nghiệp khác, xây dựng cơ bản, nghiên cứu và phát triển, đào tạo và cải thiện môi trường làm việc. Khi quỹ đầu tư và phát triển được sử dụng cho các mục đích này, giá trị đã sử dụng được kết chuyển sang vốn.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

(ii) Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được lập hàng năm bằng cách phân bổ 5% lợi nhuận thuần sau thuế cho đến khi số dư quỹ tương đương với 10% vốn điều lệ.

(iii) Quỹ khen thưởng phúc lợi

Quỹ khen thưởng phúc lợi được lập hàng năm bằng cách phân bổ không quá 10% lợi nhuận thuần sau thuế.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Tập đoàn có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu từ cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ các dịch vụ cung cấp được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tiến độ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tiến độ hoàn thành được đánh giá dựa trên việc xem xét các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Doanh thu từ dịch vụ gia công

Doanh thu từ các dịch vụ gia công được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hàng hóa được gia công và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Doanh thu từ các dịch vụ viễn thông

Doanh thu từ các dịch vụ viễn thông được ghi nhận theo tỷ lệ thời gian mà các dịch vụ thực tế được cung cấp cho khách hàng.

Doanh thu từ bán thẻ điện thoại, thẻ internet và thẻ trò chơi trực tuyến trả trước được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên các đơn vị thời gian khách hàng sử dụng thẻ trả trước thực tế. Sau đó, bất kỳ khoản trả trước nào chưa sử dụng sẽ được ghi nhận là thu nhập khi hết hạn sử dụng theo chính sách về hạn sử dụng đã ban hành. Các khoản thu được từ việc bán thẻ trả trước, nhưng thẻ đã bán chưa được sử dụng hoặc chưa hết hạn sử dụng, được ghi nhận vào tài khoản người mua trả tiền trước trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Doanh thu từ dịch vụ quảng cáo trực tuyến

Doanh thu từ dịch vụ quảng cáo trực tuyến được ghi nhận theo tỷ lệ thời gian quảng cáo ghi trong hợp đồng.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Doanh thu từ học phí và phí

Doanh thu được ghi nhận trong năm khi dịch vụ được cung cấp. Học phí và các khoản phí thu trước của sinh viên được ghi nhận vào tài khoản người mua trả tiền trước trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm tài chính có kỳ học liên quan.

Nộp học phí và phí

Toàn bộ học phí và phí được nộp trước khi bắt đầu mỗi kỳ học.

Phí tuyển sinh hoặc phí đăng ký dự thi

Phí đăng ký dự thi là khoản phí cố định nộp một lần được tính trên mỗi sinh viên và được thu cùng với đơn đăng ký tuyển sinh. Tiền thu từ phí đăng ký được sử dụng để trang trải cho các chi phí liên quan đến toàn bộ các thủ tục xử lý hồ sơ tuyển sinh của mỗi sinh viên bao gồm cả công tác quản lý đánh giá quá trình học tập tại trường trước và sắp xếp sinh viên cho phù hợp. Phí đăng ký dự thi không được hoàn lại.

Các giao dịch hàng đổi hàng

Doanh thu từ giao dịch đổi hàng hóa và dịch vụ lấy các hàng hóa và dịch vụ không cùng chủng loại được hạch toán theo giá trị hợp lý của hàng hóa và dịch vụ nhận về, được điều chỉnh theo giá trị tiền hoặc tương đương tiền đã nhận hoặc đã trả. Khi hàng hóa và dịch vụ được đổi lấy hàng hóa và dịch vụ tương tự về bản chất và giá trị thì việc trao đổi này được coi là không có tính thương mại và không được coi là giao dịch tạo doanh thu.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở nước ngoài

Để phục vụ mục đích hợp nhất báo cáo tài chính, tài sản và công nợ liên quan đến hoạt động của Tập đoàn tại nước ngoài (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi sang đơn vị tiền tệ của báo cáo theo tỷ giá tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các khoản thu nhập và chi phí (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân của năm báo cáo trừ phi tỷ giá này có biến động lớn trong năm, trong trường hợp đó sẽ áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái, nếu có, sẽ được phân loại vào nguồn vốn chủ sở hữu và kết chuyển sang dự phòng chênh lệch tỷ giá của Tập đoàn. Chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ chấm dứt hoạt động tại nước ngoài của Tập đoàn.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) đối với toàn bộ cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm, bao gồm cả trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền chọn mua cổ phiếu.

Các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm các công ty con và công ty liên kết và các cán bộ quản lý chủ chốt của Tập đoàn.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Một số công ty trong Tập đoàn được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp do đầu tư vào các dự án được Nhà nước khuyến khích và được miễn giảm thuế. Thời gian ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp tính từ năm được cấp có thẩm quyền chấp thuận dự án đầu tư. Sau khi hết thời gian được hưởng ưu đãi thuế, các đơn vị này sẽ chuyển sang áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định. Các dự án đầu tư mở rộng sản xuất được tăng thêm thời gian miễn, giảm thuế tính cho phần thu nhập tăng thêm. Thời gian được miễn thuế thu nhập tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Tập đoàn căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế, và được cộng gộp sau khi đã xác định thuế thu nhập tại các công ty con. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền đối với các công ty con trong Tập đoàn.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính và sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi các công ty trong Tập đoàn có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tập đoàn có dự tính thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Một bộ phận kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung ứng sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác.

Tập đoàn có các bộ phận chia theo hai lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính dưới sự quản lý của Công ty Cổ phần FPT (Công ty mẹ), cụ thể như sau:

Công nghệ thông tin và viễn thông

- Công ty Cổ phần Viễn thông FPT:** cung cấp dịch vụ internet không dây và có dây, dịch vụ trực tuyến cho doanh nghiệp và khách hàng cá nhân, dịch vụ Cổng dữ liệu Web, IPTV, trò chơi trực tuyến, nhạc trực tuyến và tin tức trực tuyến;
- Công ty Cổ phần Hệ thống thông tin FPT:** cung cấp thiết bị công nghệ thông tin (CNTT), cung cấp dịch vụ phần mềm, dịch vụ ERP, dịch vụ mạng và dịch vụ bảo trì cho khách hàng trong các lĩnh vực ngân hàng và tài chính, viễn thông, y tế, lợi ích công cộng và Chính phủ;
- Công ty Cổ phần Phần mềm FPT:** cung cấp dịch vụ phát triển phần mềm và dịch vụ bảo trì, gia công phần mềm, thử nghiệm đảm bảo chất lượng và gia công quy trình doanh nghiệp;
- Công ty Cổ phần Thương mại FPT:** phân phối các sản phẩm CNTT bao gồm sản phẩm phần cứng, sản phẩm phần mềm và điện thoại di động và chuỗi các cửa hàng/phòng trưng bày sản phẩm CNTT bao gồm sản phẩm phần cứng, sản phẩm phần mềm và điện thoại di động tập trung vào các khách hàng là người tiêu dùng;
- Trường Đại học FPT:** quản lý một trường đại học tư nhân đào tạo kỹ sư phần mềm và đào tạo về quản trị kinh doanh;
- Công ty TNHH Dịch vụ tin học FPT:** cung cấp dịch vụ bảo trì cho các thiết bị CNTT và thiết bị mạng.
- Công ty Cổ phần FPT Visky:** thực hiện cung cấp dịch vụ nội dung số.

Đầu tư

- Công ty TNHH Bất động sản FPT:** Kinh doanh, đầu tư, môi giới bất động sản, dịch vụ thuê và cho thuê nhà ở văn phòng, nhà xưởng, kho bãi, dịch vụ kinh doanh khách sạn, nhà hàng, học xá, dịch vụ tư vấn, quản lý bất động sản, xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, và các hoạt động kinh doanh bất động sản khác.
- Công ty TNHH Phát triển khu Công nghệ cao Hòa Lạc FPT:** cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý bất động sản, xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; tư vấn đầu tư; triển khai các dự án quy hoạch; xây dựng các công trình khác.
- Khác:** Các công ty có hoạt động đầu tư vào các lĩnh vực truyền thông giải trí và quảng cáo

5. BÁO CÁO BỘ PHẬN (Tiếp theo)

2009 (triệu VND)	Công nghệ thông tin và viễn thông								Đầu tư		Loại trừ	Tổng cộng	
	Công nghệ thông tin				Viễn thông				Công ty TNHH Dịch vụ tin học FPT	Công ty TNHH Bất động sản FPT			Khác
	Công ty CP Hệ thống thông tin FPT	Công ty CP Phần mềm FPT	Công ty CP Thương mại FPT	Công ty CP Trường Đại học FPT	Công ty TNHH Dịch vụ tin học FPT	Công ty CP FPT	Công ty TNHH sản phẩm FPT						
Tổng doanh thu từ các giao dịch với bên ngoài	1.840.439	2.636.213	740.895	12.445.619	170.472	47.352	2.159	156	-	150.201	370.520	-	18.404.026
Tổng doanh thu từ các giao dịch giữa các bộ phận	11.084	358.421	5.292	276.606	5.385	22.616	710	58.113	162	9.635	5.370.529	(6.118.553)	-
Tổng doanh thu theo bộ phận	1.851.523	2.994.634	746.187	12.722.225	175.857	69.968	2.869	58.269	162	159.836	5.741.049	(6.118.553)	18.404.026
Chi phí theo bộ phận													
Chi phí phân bổ trực tiếp	(1.107.872)	(2.562.966)	(530.333)	(12.137.726)	(116.592)	(46.300)	(5.243)	(59.940)	(1.227)	(134.844)	(5.663.438)	6.118.553	(16.247.928)
Kết quả hoạt động theo bộ phận	743.651	431.668	215.854	584.499	59.265	23.668	(2.374)	(1.671)	(1.065)	24.992	77.611	-	2.156.098
Khấu hao và phân bổ	(220.706)	(15.888)	(19.102)	(14.216)	(5.605)	(962)	(677)	(473)	(194)	(2.410)	(27.973)	4.025	(304.181)
Thu nhập/(chi phí) tài chính	18.774	(16.395)	6.782	(223.388)	7.350	3.341	343	(15)	(275)	2.006	(55.953)	-	(257.430)
Thu nhập/(chi phí) khác	(1.687)	15.406	5.930	17.403	231	223	(16)	2.836	6	(942)	10.726	(16.748)	33.368
Lãi/(lỗ) từ đầu tư vào công ty liên kết	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	69.667	-	69.667
Lợi nhuận trước thuế	540.032	414.791	209.464	364.298	61.241	26.270	(2.724)	677	(1.528)	23.646	74.078	(12.723)	1.697.522
Tài sản													
Tài sản ngắn hạn	765.035	1.541.979	352.361	3.866.705	113.168	47.263	17.943	105.812	145.551	77.726	2.018.958	(1.373.996)	7.678.505
Tài sản cố định hữu hình	669.991	35.945	160.400	9.595	9.189	2.826	4.222	412	339	9.932	219.724	(98.675)	1.023.900
Tài sản cố định vô hình	193.057	7.989	1.526	286	194	299	850	49	35	21	23.005	4.209	231.520
Tài sản dài hạn khác	96.664	7.762	92.076	11.859	4.021	599	48	59.193	9.477	2.511	2.553.854	(1.376.574)	1.461.490
Tổng tài sản	1.724.747	1.593.675	606.363	3.888.445	126.572	50.987	23.063	165.466	155.402	90.190	4.815.541	(2.845.036)	10.395.415
Nợ phải trả													
Nợ ngắn hạn	621.118	1.134.430	78.214	3.478.334	68.900	35.980	1.787	135.466	5.371	32.983	374.948	(1.201.698)	4.765.833
Nợ dài hạn	224.979	10	322	14.336	1.630	6	-	-	31	2	1.801.620	(131.276)	1.911.660
Tổng nợ phải trả	846.097	1.134.440	78.536	3.492.670	70.530	35.986	1.787	135.466	5.402	32.985	2.176.568	(1.332.974)	6.677.493
Chi phí vốn	523.534	12.967	89.911	2.335	4.897	2.560	5.851	54.016	2.048	253	195.573	(18.886)	875.059

MẪU B 09-DN/HN

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. BÁO CÁO BỘ PHẬN (Tiếp theo)

2008 (triệu VND)	Công nghệ thông tin và viễn thông								Đầu tư			Loại trừ	Tổng cộng																																																																																																																																																																																																																																																												
	Công ty				Công ty				Công ty		Công																																																																																																																																																																																																																																																														
	CP Viễn thông FPT	CP Hệ thông thông tin FPT	CP Phần mềm FPT	Công ty CP Phần mềm FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT				Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT	Công ty CP Viễn thông FPT

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU B 09-DN/HN

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Mẫu B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Tiền mặt	20.546.407.777	27.574.193.854
Tiền gửi ngân hàng	1.441.622.327.966	1.060.448.296.374
Tiền đang chuyển	29.367.845.085	-
Các khoản tương đương tiền (i)	818.973.445.803	154.480.437.269
	<u>2.310.510.026.631</u>	<u>1.242.502.927.497</u>

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng hoặc trên 3 tháng theo các điều khoản rút gốc linh hoạt.

7. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn thể hiện các khoản cho vay và ủy thác đầu tư ngắn hạn với thời hạn dưới một năm.

8. PHẢI THU THEO TIẾN ĐỘ KẾ HOẠCH HỢP ĐỒNG

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Chi phí của hợp đồng dở dang cộng lợi nhuận đã ghi nhận trừ các khoản lỗ đã ghi nhận lũy kế	<u>949.961.787.346</u>	<u>400.788.338.530</u>
	<u>949.961.787.346</u>	<u>400.788.338.530</u>
Hóa đơn phát hành theo tiến độ và các khoản tạm ứng của khách hàng	(855.961.700.884)	(308.063.860.152)
	<u>94.000.086.462</u>	<u>92.724.478.378</u>

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Phải thu từ trợ giá cho hàng bán	29.683.286.125	45.543.701.874
Các khoản phải thu khác	163.225.199.880	61.539.896.940
	<u>192.908.486.005</u>	<u>107.083.598.814</u>

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Mẫu B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

10. DỰ PHÒNG CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	2009 VND	2008 VND
Tại ngày 01/01	18.818.834.833	6.794.903.084
Tăng dự phòng trong năm	8.030.079.362	17.931.186.689
Sử dụng dự phòng trong năm	-	(2.437.092.052)
Hoàn nhập	(4.705.999.458)	(3.470.162.888)
Tại ngày 31/12	<u>22.142.914.737</u>	<u>18.818.834.833</u>

11. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Hàng mua đang đi đường	581.240.264.810	130.128.327.446
Nguyên liệu, vật liệu	19.553.458.721	158.881.462
Công cụ, dụng cụ	9.045.746.659	36.375.083.857
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	28.438.346.908	294.453.757.164
Thành phẩm	37.475.217.664	4.734.522.555
Hàng hoá	653.124.996.910	765.021.492.416
Hàng gửi đi bán	105.831.027.966	-
Cộng	<u>1.434.709.059.638</u>	<u>1.230.872.064.900</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(8.665.740.977)	(6.914.183.721)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	<u>1.426.043.318.661</u>	<u>1.223.957.881.179</u>

12. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

Tài sản ngắn hạn khác chủ yếu phản ánh giá trị tiền ký quỹ ký cược tại ngân hàng để mua ngoại tệ phục vụ việc nhập khẩu hàng hóa và tiền đặt cọc để thực hiện hợp đồng.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Dụng cụ văn phòng VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2009	180.473.274
Tăng trong năm	39.336.275
Giảm trong năm	-
Tại ngày 31/12/2009	219.809.549
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2009	26.802.407
Khấu hao trong năm	46.467.375
Giảm trong năm	-
Tại ngày 31/12/2009	73.269.782
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 31/12/2009	146.539.767
Tại ngày 31/12/2008	153.670.867

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2009	160.864.033.882	715.282.124.114	17.995.324.709	308.541.087.565	5.082.020.729	1.207.764.590.999
Tăng do mua sắm	161.671.122.708	327.678.884.023	25.613.737.192	171.708.647.545	349.735.659	687.022.127.127
Tăng do XDCB hoàn thành	-	1.526.748.097	-	279.236.447	-	1.805.984.544
Thanh lý, nhượng bán	(21.173.754.595)	(18.279.909.036)	(3.166.656.126)	(73.027.798.055)	(167.036.844)	(115.815.154.656)
Giảm khác	(5.404.250.916)	(31.050.960.182)	(2.731.000.597)	(15.098.307.158)	(128.377.625)	(54.412.896.478)
Tại ngày 31/12/2009	295.957.151.079	995.156.887.016	37.711.405.178	392.402.866.344	5.136.341.919	1.726.364.651.536
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2009	14.711.392.208	309.479.497.512	10.803.542.548	176.126.180.583	2.393.941.961	513.514.554.812
Khấu hao trong năm	10.125.072.071	127.998.895.218	5.148.517.256	141.734.049.481	1.245.669.435	286.252.203.461
Thanh lý, nhượng bán	(5.622.066.773)	(10.496.627.363)	(2.119.984.741)	(42.683.544.810)	(128.257.007)	(61.050.480.694)
Giảm khác	(673.571.307)	(16.661.149.838)	(3.069.932.466)	(15.755.048.686)	(91.744.366)	(36.251.446.663)
Tại ngày 31/12/2009	18.540.826.199	410.320.615.529	10.762.142.597	259.421.636.568	3.419.610.023	702.464.830.916
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2009	277.416.324.880	584.836.271.487	26.949.262.581	132.981.229.776	1.716.731.896	1.023.899.820.620
Tại ngày 31/12/2008	146.152.641.674	405.802.626.602	7.191.782.161	132.414.906.982	2.688.078.768	694.250.036.187

Nguyên giá của tài sản bao gồm máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và thiết bị văn phòng đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng của Tập đoàn tại ngày 31/12/2009 là khoảng 294.527 triệu đồng (tại ngày 31/12/2008 là khoảng 209.520 triệu đồng).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm 180 tỷ đồng giá trị thiết bị kết nối, cáp các loại, thiết bị hạ tầng được mang đi thế chấp khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội với hạn mức vay 120 tỷ đồng, thời gian vay tính từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2011 như trình bày tại Thuyết minh số 27.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

	Quyền sử dụng đất VND	Quyền phát hành và bán quyền VND	Nhãn hiệu hàng hóa VND	Phần mềm vi tính VND	Giấy phép và nhượng quyền thương hiệu VND	Cộng VND
NGUYỄN GIÁ	-	14.849.092.066	175.351.445	50.657.938.123	17.410.196.877	83.092.578.511
	9.114.336.000	5.426.840.466	-	12.230.540.485	36.956.746	26.808.673.697
	-	-	-	(1.656.253.009)	(47.773.750)	(1.704.026.759)
	-	183.079.731.501	-	(335.602.609)	13.666.672	182.757.795.564
	9.114.336.000	203.355.664.033	175.351.445	60.896.622.990	17.413.046.545	290.955.021.013
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	-	5.683.448.642	63.321.354	21.470.484.571	11.309.282.176	38.526.536.743
	-	4.644.251.586	58.450.481	12.968.580.644	211.315.555	17.882.598.266
	-	-	-	(631.487.267)	(6.251.634)	(637.738.901)
	-	3.830.067.780	-	(158.473.966)	(7.666.665)	3.663.927.149
	-	14.157.768.008	121.771.835	33.649.103.982	11.506.679.432	59.435.323.257
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	9.114.336.000	189.197.896.025	53.579.610	27.247.519.008	5.906.367.113	231.519.697.756
	-	9.165.643.424	112.030.091	29.187.453.552	6.100.914.701	44.566.041.768
Tài ngày 31/12/2008						

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

16. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Tòa nhà FPT tại Đà Nẵng	71.989.456.039	17.169.632.487
Tòa nhà FPT tại 89 Láng Hạ, Hà Nội	14.393.543.491	2.398.000.000
Dự án Khu công nghệ cao T.P HCM	26.777.715.110	21.984.005.801
Dự án FPT City tại Đà Nẵng	181.749.048.367	166.484.148.243
Dự án Phát triển trò chơi trực tuyến	14.618.162.730	-
Dự án HH4 - Nam An Khánh	59.053.237.073	-
Khác	14.364.481.846	13.720.627.975
	382.945.644.656	221.756.414.506

17. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Chi tiết thông tin về các công ty con đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31/12/2009 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỉ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Hệ thống Thông tin FPT	101 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	95%	95%	Cung cấp các giải pháp CNTT và tích hợp hệ thống
Công ty Cổ phần Phần mềm FPT	Tầng 6-12 Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phạm Hùng, Cầu Giấy, Hà Nội	67,52%	67,52%	Cung cấp các dịch vụ và sản phẩm phần mềm
Công ty Cổ phần Thương mại FPT	Tòa nhà Viglacera, 1 Láng Hòa Lạc, Mỹ Trì, Từ Liêm, Hà Nội	95%	95%	Phân phối các linh kiện CNTT và điện thoại di động, chế tạo máy tính
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT(i)	48 Vạn Bảo, Ba Đình, Hà Nội	41,62%	41,62%	Cung cấp các dịch vụ ADSL, cho thuê đường truyền, quảng cáo trực tuyến, trò chơi trực tuyến và các dịch vụ trực tuyến khác
Đại học FPT	Tòa nhà Detech, 15B Phạm Hùng, Cầu Giấy, Hà Nội	100%	100%	Cung cấp dịch vụ đào tạo và công nghệ
Công ty Cổ phần Quảng cáo FPT	79 Bis, Điện Biên Phủ, Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	60%	60%	Tổ chức triển lãm, hội nghị, sản xuất và kinh doanh phim và bản quyền
Công ty TNHH Bất động sản FPT	Tầng 1, Tòa Nhà FPT Cầu Giấy, Phạm Hùng, Cầu Giấy, Hà Nội	100%	100%	Kinh doanh, đầu tư bất động sản và cung cấp các dịch vụ cho thuê văn phòng, căn hộ và kho bãi

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

17. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON (Tiếp theo)

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỉ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty TNHH Truyền thông Giải trí FPT	Tầng 5, Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phạm Hùng, Cầu Giấy, Hà Nội	100%	100%	Sản xuất và dàn dựng các bản tin và chương trình, giải trí; cung cấp dịch vụ viễn thông và dịch vụ quảng cáo
Công ty TNHH Dịch vụ Tin học FPT	1A Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội	100%	100%	Cung cấp các dịch vụ sửa chữa, bảo hành, bảo trì cho các thiết bị điện tử, công nghệ và công nghiệp
Công ty Cổ phần Dịch vụ trực tuyến FPT(ii)	131 Nơ Trang Long, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	34,67%	50,56%	Cung cấp các dịch vụ trực tuyến
Công ty TNHH Phát triển Khu công nghệ cao Hòa Lạc FPT	Tầng 5, Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phạm Hùng, Cầu Giấy, Hà Nội	100%	100%	Phối hợp xây dựng và vận hành Khu Công nghệ cao Hòa Lạc
Công ty Cổ phần FPT Visky	Tầng 12, Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phạm Hùng, Hà Nội	84,71%	100%	Kinh doanh lĩnh vực nội dung số

- (i)

Công ty Cổ phần FPT sở hữu 41,62% phần vốn (2008: 43,50%) và có 41,62% quyền biểu quyết (2008: 43,50%) ở Công ty Cổ phần Viễn thông FPT. Tuy nhiên, Tập đoàn có quyền bỏ đa số phiếu tại các cuộc họp của Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Viễn thông FPT và do đó có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty Cổ phần Viễn thông FPT. Như vậy,Tập đoàn có quyền kiểm soát đối với Công ty Cổ phần Viễn thông FPT và do đó thực hiện hợp nhất các báo cáo tài chính của Công ty này vào các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.
- (ii)

Công ty Cổ phần FPT sở hữu 34,67% phần vốn (2008: 35,60%) ở Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT, trong đó lợi ích trực tiếp là 23,33% (2008: 23,62%) và lợi ích gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Viễn thông FPT là 11,34% (2008: 11,98%). Công ty Cổ phần Viễn thông FPT cũng sở hữu 27,22% (2008: 27,55%) ở Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT. Trên cơ sở Công ty Cổ phần Viễn thông FPT kiểm soát hơn 50% quyền biểu quyết thông qua các thỏa thuận của họ với Công ty Cổ phần FPT và một nhà đầu tư cá nhân khác của Công ty Cổ phần Dịch vụ trực tuyến FPT, Tập đoàn thực hiện việc hợp nhất các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ trực tuyến FPT vào các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

18. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	2009 VND	2008 VND
Số dư đầu năm	243.554.076.179	299.211.461.910
Đầu tư vào các công ty liên kết trong năm	79.200.000.000	-
Phân lợi nhuận/(lỗ) trong kết quả kinh doanh của công ty liên kết	61.900.439.725	(43.907.385.731)
Cổ tức nhận được	(3.437.500.000)	(11.750.000.000)
Số dư cuối năm	381.217.015.904	243.554.076.179

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 31/12/2009 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỉ lệ phần sở hữu	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT	Tầng 2, 71 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội	25%	Các hoạt động môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và dịch vụ lưu ký chứng khoán
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ FPT	Tầng 13, Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phạm Hùng, Hà Nội	33%	Quản lý quỹ đầu tư, quản lý danh mục và các dịch vụ khác
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong(i)	Tầng 1-2, Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phạm Hùng, Hà Nội	15,96%	Thực hiện dịch vụ ngân hàng và các dịch vụ tài chính liên quan tại Việt Nam

- (i)

Công ty Cổ phần FPT sở hữu 15,96% quyền biểu quyết (2008: 15%) tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong. Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể đến Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong thông qua đại diện có vai trò chủ chốt của Tập đoàn trong Hội đồng Quản trị của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong. Do đó, báo cáo tài chính của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất này theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

19. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Đầu tư trái phiếu	495.171.113.770	-
Quỹ Đầu tư Việt Nam (BVIM)	30.000.000.000	30.000.000.000
Quỹ Đầu tư Việt Nhật	24.800.000.000	16.000.000.000
Khác	10.317.852.500	1.695.852.500
	<u>560.288.966.270</u>	<u>47.695.852.500</u>

20. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	2009 VND	2008 VND
Tại ngày 01/01	153.151.586.037	41.168.799.336
Tăng trong năm	155.540.714.165	173.483.365.189
Phân bổ vào chi phí trong năm	(57.758.993.364)	(42.961.918.681)
Giảm khác	(169.064.365.425)	(18.538.659.807)
	<u>81.868.941.413</u>	<u>153.151.586.037</u>
Tại ngày 31/12	81.868.941.413	153.151.586.037

21. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	Tài sản cố định VND	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện VND	Các khoản dự phòng VND	Doanh thu VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2009	<u>11.999.803.420</u>	<u>1.930.187.320</u>	<u>9.435.356.223</u>	<u>-</u>	<u>23.365.346.963</u>
Chuyển sang lợi nhuận/(lỗ) trong năm	<u>13.563.061.360</u>	<u>434.654.346</u>	<u>(9.435.356.223)</u>	<u>32.818.213.101</u>	<u>37.380.572.584</u>
Tại ngày 31/12/2009	<u>25.562.864.780</u>	<u>2.364.841.666</u>	<u>-</u>	<u>32.818.213.101</u>	<u>60.745.919.547</u>

22. VAY NGẮN HẠN

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Vay ngắn hạn các ngân hàng và các tổ chức kinh tế	2.220.219.203.461	1.222.188.733.624
Vay ngắn hạn các cá nhân	13.898.174.411	14.623.085.583
	<u>2.234.117.377.872</u>	<u>1.236.811.819.207</u>

(i) Vay ngắn hạn các ngân hàng và các tổ chức kinh tế thực hiện chủ yếu với hình thức tín chấp hoặc tín dụng thư. Một số khoản vay ngắn hạn gốc USD được bảo đảm bằng các khoản tiền gửi ngân hàng.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

23. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Thuế giá trị gia tăng	88.201.419.993	72.830.923.357
Thuế xuất, nhập khẩu	31.365.606.866	22.600.137.519
Thuế thu nhập doanh nghiệp	212.664.935.457	62.130.331.694
Thuế thu nhập cá nhân	12.359.662.038	30.067.465.785
Thuế nhà thầu	1.643.457.517	894.090.476
Thuế khác	7.139.876.477	533.215.542
	<u>353.374.958.348</u>	<u>189.056.164.373</u>

24. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Phí bảo hành	17.734.123.178	16.969.195.276
Lãi tiền vay	14.541.995.687	501.191.404
Lãi trái phiếu	29.619.511.958	-
Khác	65.096.351.787	105.511.361.543
	<u>126.991.982.610</u>	<u>122.981.748.223</u>

25. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Kinh phí công đoàn	15.059.437.441	10.136.659.879
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	1.836.313.954	7.413.425.661
Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn	21.330.024.422	24.365.404.720
Phải trả tiền cổ tức	2.242.098.442	2.235.069.268
Các khoản phải trả, phải nộp khác	34.174.545.075	13.581.147.184
	<u>74.642.419.334</u>	<u>57.731.706.712</u>

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

26. CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG

	Dự phòng bảo hành sản phẩm VND	Trợ cấp mất việc làm VND	Bảo lãnh cho các khoản cho sinh viên vay VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1/1/2009	17.733.690.720	772.562.582	1.114.400.506	19.620.653.808
Trích lập dự phòng bổ sung trong năm	32.737.859.777	756.474.293	645.153.663	34.139.487.733
Hoàn nhập dự phòng	(21.226.011.404)	-	-	(21.226.011.404)
Các khoản dự phòng đã sử dụng	(7.020.617.350)	(619.871.201)	-	(7.640.488.551)
Tại ngày 31/12/2009	22.224.921.743	909.165.674	1.759.554.169	24.893.641.586

(i) Dự phòng bảo hành

Khoản dự phòng về chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới hàng hóa đã bán ra và dịch vụ đã cung cấp. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm và dịch vụ tương tự.

(ii) Bảo lãnh các khoản cho sinh viên vay

Dự phòng bảo lãnh các khoản ngân hàng cho sinh viên vay được lập bằng 24% (2008: 15%) số dư các khoản cho vay do BIDV chi nhánh Hà Thành và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong cấp cho các sinh viên được chọn của Đại học FPT, một công ty con của Tập đoàn FPT, được bảo lãnh bởi Đại học FPT.

27 VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Trái phiếu	(i) 1.800.000.000.000	-
Vay ngân hàng	(ii) 92.099.273.228	146.775.542
	1.892.099.273.228	146.775.542

- (i)

Thể hiện giá trị trái phiếu phát hành trong năm 2009 tương đương với 1.800 lô ("Lô") được chào bán gồm trái phiếu xác định nghĩa vụ trả nợ đầu tiên và không có bảo đảm bằng tài sản có tổng mệnh giá bằng 1.800 tỷ đồng, lãi suất 7%/năm, đáo hạn năm 2012 ("Trái phiếu") và 2.084.400 Chứng quyền. Mỗi Chứng quyền sẽ cho phép người sở hữu Chứng quyền, tùy thuộc vào một số điều kiện nhất định, được quyền mua 10 Cổ phiếu phát hành cho mỗi Chứng quyền với mức giá thỏa thuận là 920.250 đồng một Chứng quyền. Ngày thực hiện Chứng quyền được quy định là ngày 9 tháng 10 năm 2011, ngày 9 tháng 10 năm 2012, ngày 9 tháng 10 năm 2013. Trái phiếu đã được bán hết tại ngày 9 tháng 10 năm 2009.
- (ii)

Trong số các khoản vay ngân hàng có khoản vay tín chấp từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong theo hợp đồng tín dụng hạn mức vay 150 tỷ đồng; và khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ Phần Quân đội với hạn mức vay 120 tỷ đồng, thời gian vay tính từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2011. Tài sản đảm bảo của khoản vay này là thiết bị kết nối, cáp các loại, thiết bị hạ tầng trị giá 180 tỷ đồng (xem Thuyết minh số 14).

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

28. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2008	923.525.790.000	524.865.861.360	(176.000.000)	(1.024.332.674)	103.009.261	60.270.389.599	431.916.797.566	1.939.481.515.112
Phát hành cổ phiếu	18.080.370.000	-	-	-	-	-	-	18.080.370.000
Cổ phiếu thường đã phát hành	470.014.580.000	(470.014.580.000)	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	836.270.596.632	836.270.596.632
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(1.655.500.000)	-	-	-	-	(1.655.500.000)
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	-	-	-	-	-	47.295.131.812	(132.899.704.388)	(85.604.572.576)
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	(336.816.000.600)	(336.816.000.600)
Biến động khác	-	-	-	4.189.087.965	-	-	(462.530.065)	3.726.557.900
Số dư tại ngày 01/01/2009	1.411.620.740.000	54.851.281.360	(1.831.500.000)	3.164.755.291	103.009.261	107.565.521.411	798.009.159.145	2.373.482.966.468
Phát hành cổ phiếu	26.698.930.000	-	-	-	-	-	-	26.698.930.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	1.063.348.913.874	1.063.348.913.874
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(974.050.000)	-	-	-	-	(974.050.000)
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	-	-	-	-	-	7.558.284.000	(7.558.284.000)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(106.458.502.376)	(106.458.502.376)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	-	(2.382.205.000)	-	(2.382.205.000)
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	(356.253.482.000)	(356.253.482.000)
Biến động khác	-	-	-	2.821.804.250	-	(783.454.520)	-	2.038.349.730
Số dư tại ngày 31/12/2009	1.438.319.670.000	54.851.281.360	(2.805.550.000)	5.986.559.541	103.009.261	111.958.145.891	1.391.087.804.643	2.999.500.920.696

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Mẫu B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

28. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Cổ tức

Tại ngày 18/05/2009, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần FPT đã ban hành Quyết định số 32-2009/FPT/QĐ-HĐQT về việc tạm ứng cổ tức năm 2009 với tỷ lệ trả cổ tức là 10% trên mệnh giá.

Tại ngày 01/12/2009, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần FPT đã ban hành Quyết định số 74-2009/FPT/QĐ-HĐQT về việc tạm ứng cổ tức năm 2009 với tỷ lệ trả cổ tức là 15% trên mệnh giá và thực hiện chi trả cổ tức tại ngày 31/12/2009.

Số cổ phiếu đang lưu hành

	31/12/2009	31/12/2008
	Số lượng cổ phiếu	Số lượng cổ phiếu
Cổ phiếu được duyệt	143.831.967	141.162.074
Cổ phiếu đã phát hành	143.831.967	141.162.074
Cổ phiếu phổ thông	142.649.197	139.787.819
Cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu	1.182.770	1.374.255
Cổ phiếu quỹ	(280.555)	(183.150)
Cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu	(280.555)	(183.150)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	143.551.412	140.978.924
Cổ phiếu phổ thông	142.649.197	139.787.819
Cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu	902.215	1.191.105

Mệnh giá cổ phiếu phổ thông đang lưu hành là 10.000 đồng/cổ phiếu. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi được phát hành lại.

Các cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu có mệnh giá 10.000 đồng. Các cổ phiếu này phải chịu hạn chế mà theo đó cổ đông nắm giữ cổ phiếu ưu đãi không được bán lại các cổ phiếu mà họ nắm giữ trong một thời gian quy định kể từ ngày phát hành.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Mẫu B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

29. DOANH THU

	2009	2008
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.422.051.089.298	16.429.737.389.964
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm	11.843.586.973.412	13.570.434.743.802
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.578.464.115.886	2.859.302.646.162
Các khoản giảm trừ	(18.024.849.672)	(47.897.605.482)
Doanh thu thuần về bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ	18.404.026.239.626	16.381.839.784.482

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ nêu trên thể hiện doanh số của Tập đoàn với các bên thứ ba. Ngoài ra, để phục vụ cho mục đích quản lý, Tập đoàn cũng theo dõi chỉ tiêu doanh số kinh doanh bao gồm doanh số bán cho các bên thứ ba và doanh số bán cho các đơn vị thành viên của Tập đoàn với mục đích kinh doanh. Doanh số bán cho các đơn vị thành viên của Tập đoàn được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Chi tiết doanh thu kinh doanh của Tập đoàn được thể hiện ở bảng sau:

	2009	2008
	VND	VND
Doanh thu thuần bán cho các bên thứ ba	18.404.026.239.626	16.381.839.784.482
Doanh thu thuần bán cho các đơn vị thành viên của tập đoàn	337.637.012.224	424.328.396.327
Tổng doanh thu kinh doanh	18.741.663.251.850	16.806.168.180.809

30. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2009	2008
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	10.915.864.357.454	12.109.135.023.505
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	3.805.752.111.234	1.294.377.030.458
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.943.648.341)	(108.310.950)
	14.718.672.820.347	13.403.403.743.013

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Mẫu B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

31. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2009 VND	2008 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay, đầu tư trái phiếu	93.395.296.637	77.233.815.806
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	93.551.830.836	119.721.678.081
Doanh thu tài chính khác	993.829.316	516.678.571
	187.940.956.789	197.472.172.458

32. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2009 VND	2008 VND
Lãi tiền vay	109.698.561.121	80.487.827.505
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	231.904.832.987	402.817.404.988
Chi phí hoạt động tài chính khác	103.767.513.140	11.931.212.677
	445.370.907.248	495.236.445.170

33. THU NHẬP KHÁC

	2009 VND	2008 VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	67.585.671.296	38.999.419.468
Tiền thưởng, hoa hồng và tiền bồi thường nhận được	18.877.483.381	26.519.499.361
Các thu nhập khác	99.126.340.497	125.632.071.043
	185.589.495.174	191.150.989.872

34. CHI PHÍ KHÁC

	2009 VND	2008 VND
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	55.830.961.820	19.520.053.856
Trả tiền bồi thường do vi phạm hợp đồng	12.700.303.581	2.121.274.206
Chi phí khác	83.690.384.359	80.211.595.198
	152.221.649.760	101.852.923.260

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Mẫu B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

35. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

(a) Được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2009 VND	2008 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện tại	321.261.740.836	208.455.388.939
Phần thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty liên kết	7.767.040.580	3.948.310.380
Thuế thu nhập doanh nghiệp	329.028.781.416	212.403.699.319
Thuế thu nhập hoãn lại		
Ảnh hưởng của các khoản mục chênh lệch tạm thời	(37.380.572.584)	(23.365.346.963)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	291.648.208.832	189.038.352.356

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2009 VND	2008 VND
Lợi nhuận trước thuế	1.697.522.452.018	1.240.085.369.808
Thuế theo thuế suất thuế TNDN quy định và trong Giấy phép đăng ký kinh doanh và các quy định thuế hiện hành	422.073.738.527	354.843.058.205
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác nhau áp dụng cho các công ty con	(57.117.053.846)	(57.039.014.365)
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác nhau áp dụng cho các cơ sở kinh doanh ở nước ngoài	4.932.695.583	200.710.135
Ảnh hưởng của chi phí không được khấu trừ thuế	(1.556.262.517)	1.003.939.038
Ảnh hưởng của thu nhập không chịu thuế và ưu đãi thuế	(78.811.377.082)	(112.752.972.427)
Ảnh hưởng của lỗ thuế được sử dụng để đối trừ vào lãi tính thuế	-	(211.621.405)
Các ảnh hưởng khác	2.126.468.167	2.994.253.175
	291.648.208.832	189.038.352.356

(c) Thuế suất áp dụng

Theo quy định trong Giấy phép đăng ký kinh doanh và các quy định thuế hiện hành. Tập đoàn có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế TNDN theo thuế suất 10% trên lợi nhuận chịu thuế đối với hoạt động sản xuất và cung cấp dịch vụ phần mềm và 25% lợi nhuận chịu thuế đối với hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp và 10% lợi nhuận chịu thuế đối với dịch vụ đào tạo CNTT đã cung cấp. Tập đoàn được giảm 50% thuế TNDN trong hai năm kể từ thời điểm Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh vào tháng 12 năm 2006. Lĩnh vực đào tạo CNTT của Tập đoàn được miễn thuế TNDN 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo.

Thuế suất áp dụng cho các công ty con của Công ty Cổ phần FPT được quy định trong các Giấy phép đăng ký kinh doanh tương ứng của từng công ty con và các quy định thuế hiện hành.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

36 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 được tính dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông là 1.063.348.913.874 đồng (2008: 836.270.596.632 đồng) và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm là 141.823.480 (2008: 140.328.357), được thực hiện như sau:

	2009	2008
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.063.348.913.874	836.270.596.632
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	141.823.480	140.328.357
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	7.498	5.959
(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
	2009 VND	2008 VND
Lợi nhuận thuần trong năm	1.063.348.913.874	836.270.596.632
(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành		
	2009 Số lượng cổ phiếu	2008 Số lượng cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	140.978.924	92.334.979
Ảnh hưởng của cổ phiếu được phát hành vào ngày 22 tháng 07 năm 2009	889.964	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu được phát hành vào ngày 5 tháng 6 năm 2008	-	1.035.287
Ảnh hưởng của cổ phiếu được phát hành vào ngày 12 tháng 12 năm 2008	-	47.001.458
Ảnh hưởng của biến động cổ phiếu quỹ trong năm	(45.408)	(43.367)
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành tại thời điểm cuối năm	141.823.480	140.328.357

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

37. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	2009 VND	2008 VND
Góp vốn		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	79.200.000.000	-
Bán thiết bị văn phòng, tòa nhà		
Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT	3.912.651.620	2.228.871.792
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ FPT	46.709.090	1.014.002.935
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	15.348.182.148	144.137.081.260
Mua tài sản, hàng hóa, dịch vụ		
Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT	797.085.975	-
Các khoản vay		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	353.093.451.800	-
(ii) Các khoản phải thu và phải trả		
	2009	2008
Thành viên Ban Giám đốc		
Thù lao (VND)	4.244.745.000	4.564.835.000
Quyền mua cổ phiếu (Số lượng cổ phiếu)	136.871	121.102

38. HỢP ĐỒNG MUA BÁN NGOẠI TỆ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, theo các hợp đồng mua bán ngoại tệ, Tập đoàn có các cam kết mua đô la Mỹ như sau:

	2009 VND	2008 VND
Hợp đồng mua bán ngoại tệ kỳ hạn	285.882.000.000	70.159.000.000

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Mẫu B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

39. CHỈ TIÊU NGOẠI BẢNG

	2009 VND	2008 VND
Hàng giữ hộ cho bên thứ ba	60.759.864.293	89.071.890.804

40. CÁC KHOẢN CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	2009 VND	2008 VND
Trong vòng một năm	108.312.032.907	151.960.947.921
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	74.496.547.933	274.446.340.953
Sau năm năm	6.096.667.805	74.872.601.062
	188.905.248.645	501.279.889.936

41. CÁC KHOẢN CAM KẾT VỐN

Tại ngày 31/12/2009, Tập đoàn đã ký hợp đồng cam kết cho: các dự án tại Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, dự án FPT City Đà Nẵng với tổng số tiền khoảng 611 tỷ đồng.

Tại ngày 31/12/2009, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần FPT đã phê duyệt thực hiện các dự án sau:

- Dự án 89 Láng Hạ: Công ty Cổ phần FPT là Chủ đầu tư dự án, Đại diện chủ đầu tư do Tổng Giám đốc chỉ định.
- Dự án xây dựng Đại học FPT tại khu Công nghệ cao Hòa Lạc: Công ty Cổ phần FPT cấp bổ sung vốn 100 tỷ đồng để xây trường Đại học FPT.
- Dự án FPT City Đà Nẵng: Phê duyệt chủ trương thành lập Công ty Cổ phần Đô thị FPT Đà Nẵng thuộc 99,8% sở hữu của Công ty Cổ phần FPT theo tờ trình của Công ty TNHH Bất động sản FPT. Công ty Cổ phần FPT cấp vốn 56 tỷ đồng với thời hạn thực hiện trong quý 1 năm 2010.
- Phê duyệt quyết định ủy thác cho Công ty Cổ phần Quản lý quỹ FPT (FPT capital) 24 tỷ đồng để đầu tư trong lĩnh vực giáo dục.
- Thông qua việc Công ty Cổ phần FPT góp vốn thành lập “Quỹ công nghệ thông tin FPT vì cộng đồng” với số vốn góp là 2.400.000.000 đồng.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Mẫu B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

42. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh của các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 là số liệu được kiểm toán bởi công ty kiểm toán độc lập khác với ý kiến chấp nhận toàn phần tại báo cáo kiểm toán ngày 27/3/2009. Một số số liệu của năm báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay như sau:

	Trình bày lại trên báo cáo năm 2009 VND	Theo báo cáo năm 2008 VND
--	--	------------------------------

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Phải trả, phải nộp khác	57.731.706.712	155.990.679.947
Doanh thu chưa thực hiện	98.258.973.235	-
Quỹ khen thưởng phúc lợi	61.756.350.857	57.013.641.302
Lợi ích cổ đông thiểu số	521.492.610.989	526.235.320.544

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

- Xóa sổ tài sản cố định	-	2.339.122.283
- Lãi từ thanh lý tài sản cố định	-	(19.479.365.612)
- Lãi từ hoạt động đầu tư	(17.516.291.771)	(376.048.442)

Chỉ tiêu “Quỹ khen thưởng phúc lợi” được trình bày tại mục “Nguồn kinh phí và quỹ khác” với mã số 431 trên báo cáo tài chính năm 2008 được phân loại và trình bày lại tại mục “Nợ ngắn hạn” với mã số 323 trên báo cáo tài chính năm 2009.



Nguyễn Thành Nam
Tổng Giám đốc

Ngày 06 tháng 3 năm 2010

Nguyễn Thế Phương
Kế toán trưởng



Quan hệ cổ đông

Thông tin cổ đông & quản trị công ty

Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát năm 2009

Hội đồng Quản trị đã được Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2009 phê duyệt ngân sách thù lao là 3,5 tỷ VND. Trong năm qua, Hội đồng Quản trị đã sử dụng chi trả thù lao là 1,91 tỷ VND.

Ban Kiểm soát đã được Đại hội Cổ đông thường niên năm 2009 phê duyệt ngân sách hoạt động và thù lao là 483,5 triệu VND. Trong năm 2009, Ban kiểm soát đã chi trả thù lao tổng cộng 151,2 triệu VND.

Hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2009

Năm 2009, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần FPT đã tiến hành các cuộc họp hàng quý, họp bất thường và triển khai lấy ý kiến bằng văn bản nhằm có những chỉ đạo kịp thời về các nội dung sau:

- Thông qua báo cáo sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính, báo cáo kiểm toán và phương án sử dụng lợi nhuận năm 2009.
- Thông qua chính sách đãi ngộ bằng cổ phiếu cho cán bộ nhân viên.
- Thông qua chủ chương Tái cấu trúc tập đoàn về Quản trị công ty và Quản trị Tài chính. Thông qua Quy định quản trị công ty, thành lập các ủy ban hỗ trợ cho Hội đồng Quản trị.
- Thông qua việc xúc tiến sáp nhập các công ty hoạt động trong lĩnh vực nội dung.
- Thông qua phương án phát hành trái phiếu kèm chứng quyền.
- Thông qua phương án sửa đổi Điều lệ Công ty.
- Thông qua phương án tạm ứng cổ tức năm 2009.
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm một số nhân sự cao cấp trong Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần FPT và một số công ty thành viên.
- Thông qua việc thu phí quản lý các công ty thành viên.

Trong năm 2009, Hội đồng Quản trị đã ban hành các quyết định triển khai các nội dung đã được Hội đồng Quản trị thông qua. Ngoài ra, Hội đồng Quản trị còn ban hành thêm các quyết định:

- Bổ nhiệm/ Miễn nhiệm các chức danh trong Ban Tổng Giám đốc; Trưởng ban Truyền thông và Cộng đồng, Trưởng ban Kế hoạch Tài chính; Trưởng ban Nhân sự.
- Quyết định về việc lựa chọn công ty kiểm toán FPT trong năm 2009 là Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.
- Tăng vốn điều lệ Công ty Cổ phần FPT.
- Ban hành Quy định Cơ cấu tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần FPT; quy định quản trị giữa Tập đoàn và các công ty thành viên.

Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị

Ủy ban Thường trực: Hợp định kỳ hàng tuần xem xét Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc và các vấn đề khác; Tiến hành các cuộc họp khi cần thiết để kịp thời chỉ đạo giải quyết các vấn đề phát sinh.

Ủy ban Tổ chức Cán bộ: Chính thức hoạt động từ 01/01/2010, Ủy ban Tổ chức Cán bộ đã trình Hội đồng Quản trị các vấn đề:

- Bổ nhiệm Trưởng ban Nhân sự.
- Miễn nhiệm ông Bùi Quang Ngọc thôi giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần FPT kể từ ngày 01/01/2010 để đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch Ủy ban Kiểm soát nội bộ Công ty Cổ phần FPT.
- Bổ nhiệm ông Lê Trung Thành giữ chức Phó Tổng Giám đốc phụ trách Thương hiệu và Marketing Công ty Cổ phần FPT kể từ ngày 01/01/2010.

Văn phòng Chủ tịch Hội đồng Quản trị:

- Trợ giúp Chủ tịch Hội đồng Quản trị trong việc thực hiện các chức năng của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
- Tổ chức các cuộc họp Hội đồng Quản trị theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Thông tin cổ đông & quản trị công ty

Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2009

Một số hoạt động chính 2009

Trong năm 2009, Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần FPT đã tiến hành họp định kỳ hàng quý, ngoài ra còn thường xuyên gặp gỡ, trao đổi, email để thực hiện một số công việc chính sau đây nhằm đảm bảo quyền lợi của các cổ đông:

- Kiểm soát để đảm bảo Công ty hoạt động theo đúng Luật doanh nghiệp; Điều lệ công ty cũng như các nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông trong năm 2009.
- Tham gia công tác tổ chức, kiểm phiếu, báo cáo kết quả kiểm phiếu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2009 ngày 29/03/2009 và Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 23/07/2009 và đảm bảo công tác này được thực hiện nghiêm túc, chính xác và đúng thủ tục theo luật.
- Tham gia các cuộc họp định kỳ của Hội đồng Quản trị và đưa ra các ý kiến góp ý trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình.
- Kiểm tra và đánh giá tính nghiêm túc, công bằng và minh bạch của việc phát hành cổ phiếu thưởng; cổ phiếu ưu đãi cho những cán bộ nhân viên FPT có thành tích trong năm 2008 theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2009 và ghi nhận không có bất cứ biểu hiện bất thường nào.
- Đánh giá hiệu quả và giám sát tính minh bạch về việc thực hiện bán trái phiếu kèm chứng quyền theo nghị quyết của Đại hội cổ đông bất thường ngày 23/07/2009.
- Tham dự một số buổi làm việc của Hội đồng Quản trị nhằm xây dựng chiến lược hoạt động và kế hoạch kinh doanh trong năm cho FPT; xem xét các báo cáo tổng kết tài chính, kinh doanh do Ban Tổng Giám đốc và Ban Kế hoạch Tài chính chuẩn bị để có thể kịp thời cập nhật thông tin cho công tác kiểm soát của mình.

- Chủ động làm việc, xem xét các báo cáo của Kiểm toán độc lập, báo cáo của Kiểm toán Nhà nước và có ý kiến về những vấn đề các bên kiểm toán đưa ra dưới góc độ của mình.
- Kịp thời cập nhật những ý kiến của cổ đông và phối hợp xem xét, giám sát quá trình xử lý của Ban Tổng Giám đốc. Xem xét và đề nghị Ban Tổng Giám đốc trả lời những khúc mắc liên quan đến quyền lợi của cổ đông như: tính công bằng và minh bạch của việc thực hiện phát hành cổ phiếu ưu đãi và cổ phiếu thưởng, hay việc triển khai bán trái phiếu kèm chứng quyền trong năm.

Ban Kiểm soát đã tham gia trong chương trình cải tổ, tái cấu trúc Tập đoàn FPT trong năm 2009 (tập trung vào 2 mảng lớn là quản trị doanh nghiệp và quản trị tài chính).

Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty

Đến hết năm 2009, Ban Kiểm soát không phát hiện trường hợp bất thường nào trong hoạt động tài chính của FPT. Các quy trình hoạt động tuân thủ theo các yêu cầu của hệ thống quản trị nội bộ. Hệ thống kiểm soát tài chính nội bộ và chế độ giao ban vận hành tốt, kịp thời phát hiện các vấn đề, đưa ra các kiến nghị và giải pháp phù hợp.

Ban Kiểm soát đã đóng góp ý kiến thảo luận với mục đích nâng cao tính minh bạch và chính xác của hệ thống báo cáo tài chính, đảm bảo rằng hệ thống kiểm soát tài chính nội bộ và chế độ báo cáo vận hành tốt, phát hiện kịp thời các rủi ro để có các giải pháp phù hợp.

Ban Kiểm soát cũng đã phối hợp làm việc với tổ chức kiểm toán báo cáo tài chính độc lập của của Công ty để cùng tìm hiểu và làm rõ các vấn đề phát sinh trong quá trình kiểm toán. Ban Kiểm soát đồng ý cơ bản với các đánh giá về hoạt động và tài chính trong các báo cáo của Công ty và tổ chức kiểm toán độc lập.

Cũng trong năm 2009, Ban Kiểm soát cũng phối hợp với Đoàn kiểm toán Nhà nước đến làm việc tại Công ty, tham gia với Đoàn Kiểm toán Nhà nước làm rõ một số vấn đề tài chính do đoàn kiểm toán Nhà nước nêu ra.

Ban Kiểm soát cũng tham gia giám sát việc chấp hành nghĩa vụ của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật, bao gồm các nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các nghĩa vụ tài chính khác.

Tuy nhiên, trong tình hình kinh tế trong nước và thế giới còn nhiều biến động khó lường, thị trường vốn và tín dụng tiềm ẩn nhiều rủi ro, Ban Kiểm soát cho rằng Hội đồng Quản trị cần chuẩn bị và trình bày với Hội đồng Cổ đông kế hoạch thực hiện các dự án đầu tư lớn trong thời gian tới, chi tiết hơn tình hình sử dụng nguồn vốn 1.800 tỷ VND từ việc bán trái phiếu kèm chứng quyền trong năm.

Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý

2009 là năm nhân sự Ban Tổng Giám đốc có nhiều thay đổi: Ông Trương Gia Bình chuyển giao chức Tổng Giám đốc cho ông Nguyễn Thành Nam; bổ nhiệm ba Phó Tổng Giám đốc mới là ông Phan Đức Trung, ông Trương Đình Anh, ông Lê Trung Thành, nhưng sự biến động này không gây ảnh hưởng nhiều đến công tác điều hành các hoạt động kinh doanh của Công ty.

Trong năm, Ban Kiểm soát ghi nhận không có điều gì bất thường trong hoạt động của các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc cũng như các cán bộ quản lý Công ty.

Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc

Trong năm 2009, Ban Kiểm soát đã nhận được đầy đủ thông tin về các quyết định của Hội đồng Quản trị; tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và đã tham gia đóng góp nhiều ý kiến với Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản trị Công ty.

Sự trao đổi thông tin giữa Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được thực hiện xuyên suốt qua hình thức công văn, thư điện tử (email) và mọi vấn đề được xử lý nhanh chóng và hiệu quả.

Tuy nhiên, Ban Kiểm soát nhận thấy sự liên lạc phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với các cổ đông vẫn còn chưa được cải thiện so với năm 2008. Phần lớn thông tin về cổ đông đều được Ban Kiểm soát cập nhật qua bộ phận quan hệ cổ đông của Công ty. Để cải thiện vấn đề này, Ban Kiểm soát dự kiến từ năm 2010 sẽ chủ động nghiên cứu thêm những hình thức khác trong việc trao đổi trực tiếp với các cổ đông của Công ty, nhằm nâng cao tính khách quan, hiệu quả cho công việc kiểm soát của mình.

Thông tin cổ đông & quản trị công ty

Các Báo cáo thống kê về cổ đông

Ngày chốt: 24/02/2009

Loại cổ phần	Cổ phần	%	Mệnh giá (VND)	Quyền biểu quyết
Cổ phần phổ thông	142.649.197	99,18%	10.000	1:1
Cổ phần ưu đãi nhân viên	878.815	0,61%	10.000	1:1
Cổ phiếu quỹ	303.955	0,21%	10.000	1:0
Tổng	143.831.967	100,00%		

Sở hữu theo số cổ phần	Cổ đông	%	Cổ phần	%
1-999	8.974	75,06%	2.336.962	1,63%
1.000-10.000	2.553	21,36%	6.312.233	4,40%
10.001-1.000.000	399	3,34%	43.570.640	30,36%
1.000.001 trở lên	29	0,24%	91.308.177	63,62%
Tổng	11.955	100,00%	143.528.012	100,00%

Sở hữu theo nhóm cổ đông	Cổ đông	%	Cổ phần	%
Nhà nước (SCIC)	1	0,01%	9.983.880	6,96%
Cổ đông nội bộ	2.031	16,99%	50.850.045	35,43%
HDQT, BTGD, BKS và KTT	14	0,12%	36.382.179	25,35%
Nhân viên	2.017	16,87%	14.467.866	10,08%
Cổ đông ngoài (cá nhân)	9.697	81,11%	19.811.523	13,80%
Cổ đông ngoài (tổ chức)	226	1,89%	62.882.564	43,81%
Tổng	11.955	100,00%	143.528.012	100,00%

Sở hữu theo địa lý	Cổ đông	%	Cổ phần	%
Việt Nam	10.726	89,72%	87.287.165	60,82%
Cá nhân	10.613	88,77%	68.981.178	48,06%
Tổ chức	113	0,95%	18.305.987	12,75%
Nước ngoài	1.229	10,28%	56.240.847	39,18%
Cá nhân	1.115	9,33%	1.680.390	1,17%
Tổ chức	114	0,95%	54.560.457	38,01%
Tổng	11.955	100,00%	143.528.012	100,00%

10 cổ đông lớn nhất	Cổ phần	%
Trương Gia Bình	11.718.642	8,16%
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước (SCIC)	9.983.880	6,96%
RED RIVER HOLDING	7.895.095	5,50%
Bùi Quang Ngọc	6.010.506	4,19%
DEUTSCHE BANK AG LONDON	4.564.782	3,18%
Đỗ Cao Bảo	3.831.999	2,67%
Hoàng Minh Châu	3.686.854	2,57%
VIETNAM DRAGON FUND LIMITED	3.327.510	2,32%
AMERSHAM INDUSTRIES LIMITED	3.098.085	2,16%
VIETNAM EQUITY HOLDING	2.727.380	1,90%

Các hoạt động với cổ đông & nhà đầu tư

Thông tin chung về cổ phiếu FPT 2009

Trong năm 2009, FPT đã thực hiện chi trả cổ tức và phát hành thêm cổ phiếu cho các cổ đông như sau:

Chi trả cổ tức

- 1. Tạm ứng cổ tức đợt I năm 2009 bằng tiền mặt cho cổ đông theo tỷ lệ 10% mệnh giá vào ngày 26/06/2009.
- 2. Tạm ứng cổ tức đợt II năm 2009 bằng tiền mặt cho cổ đông theo tỷ lệ 15% mệnh giá vào ngày 31/12/2009.

Phát hành thêm cổ phiếu

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2009, Công ty đã thực hiện phát hành cổ phần phổ thông cho người lao động có thành tích đóng góp trong năm 2008 và cổ phần ưu đãi nhân viên, tăng vốn điều lệ từ 1.411.620.740.000 VND lên thành 1.438.319.670.000 VND.

Các hoạt động với cổ đông và nhà đầu tư

FPT duy trì các kênh thông tin tới các cổ đông và nhà đầu tư thông qua Đại hội đồng Cổ đông thường niên, Đại hội đồng Cổ đông bất thường, các phương tiện truyền thông đại chúng và thông qua Bộ phận Quan hệ nhà đầu tư. Trong năm 2009, FPT đã thực hiện các hoạt động chính về quan hệ cổ đông và nhà đầu tư như sau:

Về công bố thông tin:

- Tuân thủ đúng theo các yêu cầu về thực hiện công bố thông tin theo quy định đầy đủ, chính xác, kịp thời.
- Trong năm 2009 FPT đã tiến hành công bố thông tin định kỳ về báo cáo tài chính quý, năm, và công bố thông tin bất thường về các quyết định của Đại hội đồng Cổ đông; Hội đồng Quản trị liên quan đến chiến lược, kế hoạch phát triển trung - dài hạn cũng như kế hoạch kinh doanh và các hoạt động trong năm.

Về tổ chức các sự kiện cổ đông:

- Tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên FPT tập hợp đông đảo cổ đông tham gia và tạo điều kiện để các cổ đông góp ý kiến về các vấn đề có liên quan đến Công ty.
- Tổ chức 2 cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường để phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty Hệ thống Thông tin FPT và Công ty Thương mại FPT và Phát hành trái phiếu kèm chứng quyền.

Về hoạt động tiếp xúc nhà đầu tư và các cổ đông:

Trong năm 2009, FPT đã tiếp đón trên 50 nhà đầu tư là các công ty chứng khoán, ngân hàng đầu tư, quỹ đầu tư trong nước và nước ngoài. Công ty đã tiếp nhận các ý kiến của nhà đầu tư, giải đáp thắc mắc và cung cấp thông tin, số liệu liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh, tài chính.

Một số nhà đầu tư tiêu biểu đã gặp trong năm:

- Citibank
- Morgan Stanley
- JP Morgan
- Tri Tin International
- PXP Vietnam
- Prudential AM
- Jaccar Fund
- Japan Asia Securities
- Duxton AM
- Vietnam Asset Management
- MFC Global Investment Management
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (Sai Gon Securities Incorporation)
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (Bao Viet Securities Company)
- Sakura Securities

Năm 2010, Bộ phận quan hệ đầu tư tiếp tục được tăng cường nhân sự và đặt mục tiêu:

- Hoàn thiện các tài liệu giới thiệu về FPT và các công ty thành viên, các tài liệu cung cấp thông tin định kỳ cập nhật kết quả kinh doanh.
- Xây dựng và phát triển thêm các kênh tương tác thường xuyên hơn với cổ đông và nhà đầu tư.
- Tăng cường tổ chức các buổi gặp gỡ, hội thảo nhằm tạo cầu nối thông tin hai chiều, liên tục giữa FPT và cộng đồng đầu tư.



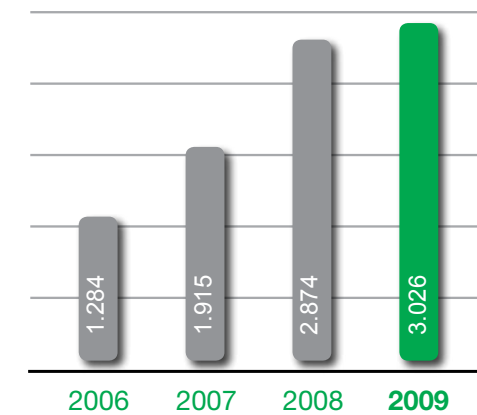
Trách nhiệm xã hội

Trách nhiệm xã hội luôn được FPT coi trọng kể từ ngày thành lập. Trước hết, đó là nỗ lực kinh doanh để đóng góp vào sự phát triển chung của đất nước và đảm bảo cuộc sống cho cán bộ công nhân viên. Bên cạnh đó, với thế mạnh về công nghệ, FPT luôn nỗ lực triển khai các hoạt động cộng đồng nhằm góp phần và huy động các doanh nghiệp, các tổ chức xã hội cũng như cộng đồng nói chung cùng tham gia xây dựng một cuộc sống tốt đẹp hơn.

Đóng góp lớn vào ngân sách nhà nước và tạo nhiều công ăn việc làm

Những năm gần đây, số tiền nộp ngân sách nhà nước của FPT tương đương với một tỉnh lớn ở Việt Nam.

Đơn vị: tỷ VND



Với tốc độ phát triển không ngừng, hàng năm FPT tuyển thêm hàng nghìn nhân viên mới. Cho đến nay, FPT đã tạo việc làm và xây dựng được một môi trường làm việc phù hợp cho hơn 10.000 cán bộ nhân viên. Ngoài quyền lợi theo Luật Lao động và chế độ bảo hiểm y tế chung, nhân viên FPT còn hưởng thêm chế độ bảo hiểm y tế FPT Care.

Công nghệ thông tin vì cộng đồng

FPT luôn giữ vai trò đầu tàu thúc đẩy sự phát triển của ngành công nghệ thông tin Việt Nam và chia sẻ kinh nghiệm với các doanh nghiệp công nghệ thông tin trong nước. Hoạt động thiết thực nhất ở lĩnh vực này trong năm 2009 là chương trình chuyển giao bộ tài liệu kinh nghiệm xây dựng, áp dụng và thi lấy chứng chỉ CMMi-5 cho cộng đồng công nghệ thông tin của Việt Nam thông qua Bộ Thông tin và Truyền thông.

Nhìn rõ tiềm năng ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin ở Việt Nam, FPT cam kết hỗ trợ công nghệ thông tin cho các hoạt động thiện nguyện trong xã hội đồng thời thu hút cộng đồng cùng tham gia vào hoạt động này.

Điều này bước đầu được hiện thực hóa bằng dự án vicongdong.vn, nơi mà ai ai cũng có thể làm việc thiện nguyện. Dự án bắt đầu triển khai từ tháng 04/2008 nhằm mục đích kết nối ý tưởng, tập hợp nguồn lực, nâng cao hiệu quả các hoạt động thiện nguyện. Sau hơn 1 năm hoạt động vicongdong.vn đã quy tụ được 16.206 thành viên, hơn 100 nhóm và tổ chức, có 332 đề án hoạt động, 2.803 bài viết và quyên góp được gần 1 tỷ VND chuyển tới hàng ngàn người đang gặp khó khăn trên cả nước.

Hỗ trợ phát triển giáo dục

Để thế hệ trẻ ở mọi miền của tổ quốc có cơ hội tiếp cận với giáo dục, với công nghệ thông tin, Cuộc thi giải toán qua mạng Internet lần đầu tiên được FPT và Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp tổ chức đã thu hút được hơn 1.657 triệu lượt em học sinh trên khắp 63 tỉnh, thành tham dự.

Trong năm 2009, FPT đã tặng phòng máy tính cho Trường Mầm non Mai Dịch và Trung tâm Học tập Cộng đồng GFO – Diệu Viên (Thừa Thiên - Huế); Tài trợ 50 suất học bổng mỗi suất trị giá 11.200 USD cho các em học sinh tài năng theo học tại Đại học FPT; tài trợ 25 suất học bổng cho các em đạt thành tích cao trong các kỳ thi quốc tế, quốc gia, đạt điểm cao trong kỳ thi đại học sinh hoạt tại Trung tâm Tài năng trẻ FPT (FYT); trao tặng hơn 3.000 học bổng cho các em sinh viên đam mê công nghệ thông tin theo học tại Học viện Aptech; tặng 300 suất học bổng cho trẻ em bị nhiễm chất độc màu da cam tại Quảng Trị...

Trách nhiệm xã hội



Các hoạt động xã hội khác

FPT luôn chia sẻ những khó khăn của cộng đồng qua các hoạt động từ thiện khắp đất nước. Điển hình là sau các trận bão lụt số 9 và số 11 năm 2009 tại miền Trung, nhân viên toàn Tập đoàn FPT đã quyên góp hỗ trợ bà con bị thiệt hại số tiền là 1,05 tỷ VND. FPT đã ủng hộ 100 triệu VND cho Hội Bảo trợ trẻ em nhiễm dioxin Việt Nam và Hội Nạn nhân chất độc dioxin Việt Nam; Tài trợ 190 triệu VND cho chương trình phẫu thuật nụ cười; Quyên góp xây căn nhà tình nghĩa tại quận Sơn Trà thông qua Hội Từ thiện thành phố Đà Nẵng; Tham gia tài trợ cho các chương trình Mầm Nhân ái – chương trình nhằm tìm kiếm, bồi dưỡng, tài trợ các dự án cộng đồng; Giải thưởng Chim Én nhằm vinh danh các nhóm và cá nhân có hoạt động từ thiện tình nguyện xuất sắc trong năm tại Việt Nam; Tham gia hiến máu nhân đạo; Tổ chức Trung thu cho trẻ em nghèo ...

Quá trình biến đổi khí hậu đang diễn ra trên quy mô toàn cầu và Việt Nam với 3.260 km bờ biển chắc chắn sẽ phải chịu hậu quả không nhỏ. Nhận thức sâu sắc trách nhiệm trước việc bảo vệ môi trường sống của cộng đồng, FPT sớm áp dụng Hệ thống quản lý môi trường (ISO 14000) trong lĩnh vực sản xuất của mình là lắp ráp máy tính.

Ở cấp tập đoàn, FPT phát động chương trình văn phòng tiết kiệm năng lượng như nhắc nhở cán bộ nhân viên có trách nhiệm khi sử dụng điện, nước, giấy...; Triển khai chương trình Kaizen - 5S trong hệ thống công ty.

Các hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức về môi trường được tổ chức dưới dạng các câu lạc bộ (FPT Green, EHE - Energy Health Environment) cũng thu hút được sự quan tâm của các thành viên như: đi xe đạp bảo vệ sức khỏe và môi trường, các buổi sinh hoạt về bảo vệ động vật hoang dã... được tổ chức định kỳ.

Tổng kết trong năm 2009, FPT đã đóng góp hơn 17 tỷ VND cho các hoạt động xã hội, trực tiếp hỗ trợ cho hơn 3.000 học sinh, sinh viên giỏi, học sinh khuyết tật. Riêng đầu tư cho các hoạt động giáo dục là gần 15 tỷ VND và các hoạt động vì cộng đồng nói chung là 2 tỷ VND.

Văn hóa doanh nghiệp



Văn hoá FPT hình thành cùng với sự ra đời của Công ty. FPT tự hào là một trong số ít công ty có nền văn hoá riêng, đặc sắc. Văn hoá FPT mang tính sáng tạo, hài hước, được thể hiện trong cách ứng xử giữa người với người ở FPT - chân thành, gần gũi thân thiết như ruột thịt.

Đó là món ăn tinh thần, chất keo đoàn kết, sân chơi tuyệt vời, nguồn động viên cổ vũ và là niềm tự hào của mỗi người FPT. Các thế hệ FPT nối tiếp nhau đã chấp nhận, trân trọng và cùng nhau vun đắp cho văn hóa FPT ngày càng có cá tính và giàu bản sắc, đóng góp quan trọng vào thành công của FPT hôm nay.

Thông qua các hoạt động văn hóa được tổ chức thường xuyên, không những các giá trị truyền thống được duy trì mà nhu cầu cuộc sống tinh thần của cán bộ nhân viên cũng được đáp ứng, tạo cho họ sự phấn khởi trong công việc kinh doanh ngày càng áp lực hơn.

Các hoạt động văn hóa, thể thao được tổ chức thường niên ở FPT:

1. Đại lễ hội 13/09, kỷ niệm ngày thành lập công ty: Hoạt động sinh nhật FPT gồm 2 sự kiện chính là hội thao Olympic ban ngày và hội diễn văn nghệ buổi tối. Hội diễn văn nghệ buổi tối là một đêm kịch (thường là hài kịch) với các tiết mục theo cùng một chủ đề. Chủ đề năm 2009 là “FPT năm 2088”. Đây là hội diễn phát huy cao nhất tính sáng tạo của người FPT.
2. Hội làng FPT, thường được tổ chức vào những ngày giáp Tết. Người FPT ngả lợn, gói bánh chưng; cả Tập đoàn trải chiếu ngồi ăn cỗ với các món ăn truyền thống của dân tộc, xem các tiết mục dân ca do chính nhân viên FPT trình diễn.

3. Hội diễn Sao Chổi là chương trình thi hát chuyên về dòng nhạc dân ca truyền thống, có hát hợp xướng xen lẫn múa phụ họa. Năm 2009, hội diễn Sao Chổi với chủ đề “Tiếng gọi thanh niên” với các bài hát cách mạng đã góp phần tạo ra khí thế đổi mới chung trong cả Tập đoàn.

4. Giải bóng đá Nam, Nữ là hoạt động được chờ đón hàng năm của những người yêu môn thể thao vua ở FPT. Giải bóng đá nhằm rèn luyện tinh thần thể dục thể thao và khơi dậy tinh thần đồng đội vì màu cờ sắc áo của người FPT.

5. Giỗ tổ Đền Hùng: Hàng năm lãnh đạo và nhân viên FPT nhân ngày giỗ tổ Hùng Vương cùng nhau về nguồn ôn lại lịch sử của dân tộc.

Bên cạnh các sự kiện lớn, mô hình câu lạc bộ theo sở thích cũng được chú trọng phát triển ở FPT. Ở FPT hiện đang có các câu lạc bộ như học đàn, câu cá, chụp ảnh, bơi, hoạt động vì môi trường, xem phim cuối tuần, hoạt động từ thiện, du lịch...

Năm 2010, hoà chung với không khí của đất nước hướng tới kỷ niệm 1.000 năm Thăng Long – Đông Đô – Hà Nội, FPT cũng đã lên kế hoạch tham gia hưởng ứng sự kiện trọng đại này. Đồng thời, năm 2010 sẽ có các hoạt động văn hoá FPT với định hướng hướng ra cộng đồng nhiều hơn, chia sẻ và hoà mình vào cộng đồng lớn hơn của địa phương và toàn quốc, góp phần xây dựng công ty và đất nước ngày một vững mạnh.

Danh bạ công ty

TẬP ĐOÀN FPT

Trụ sở chính: Tòa nhà FPT, Lô B2
Cụm sản xuất tiểu thủ Công nghiệp
và Công nghiệp nhỏ
Đường Phạm Hùng,
quận Cầu Giấy, Hà Nội
Website: www.fpt.com.vn
Điện thoại: +84 4 73007300
Fax: +84 4 37687410

CHI NHÁNH FPT

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Tòa nhà FPT thành phố Hồ Chí Minh, 153 Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: +84 8 73007300
Fax: +84 8 73007388

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN

FPT TẠI ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Tòa nhà FPT, tầng 1, Khu Công nghiệp Đà Nẵng An Đồn, Quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng
Điện thoại: +84 0511.3913913
Fax: +84 0511.3913139

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN

FPT TẠI CẦN THƠ

Địa chỉ: 69 Hùng Vương, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
Điện thoại: +84 0710.3752666
Fax: +84 0710.752555

Các công ty thành viên/ liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN HỆ THỐNG THÔNG TIN FPT (FPT INFORMATION SYSTEM JSC)

Trụ sở chính: 101 Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: +84 4 35626000
Fax: +84 4 35624850
Website: www.fis.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT (FPT TELECOM JSC)

Trụ sở chính: 48 Vạn Bảo, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
Điện thoại: +84 4 7300 2222
Fax: +84 4 73008889 – 38223111 - 37262163
Website: www.fpt.net – www.fpt.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI FPT (FPT TRADING GROUP JSC)

Trụ sở chính: Tầng 3, tòa nhà Viglacera, số 1 Láng Hòa Lạc, phường Mỹ trì, Từ Liêm, Hà Nội
Điện thoại: +84 4 73006666
Fax : +84 4 73006668
Website: http://www.ftg.vn/

CÔNG TY CỔ PHẦN PHẦN MỀM FPT (FPT SOFTWARE JSC)

Trụ sở chính: Tầng 6-11, Tòa nhà FPT, Lô B2
Cụm sản xuất tiểu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ, Đường Phạm Hùng,
Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: +84 4 37689048
Fax: +84 4 37689049
Website: www.fpt-software.com

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT VISKY (FPT VISKY JSC)

Trụ sở chính: Tòa nhà FPT, Lô B2
Cụm sản xuất tiểu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ, Đường Phạm Hùng,
Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: +84 4 73007300
Fax: +84 4 73007388

ĐẠI HỌC FPT (FPT UNIVERSITY)

Trụ sở chính: Tòa nhà DETECH, 15B Phạm Hùng, quận Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: +84 4 37687717 - 04.37688922
Fax: +84 4 3 7687718
Website: www.fpt.edu.vn

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TIN HỌC FPT (FPT SERVICE CO., LTD.)

Trụ sở chính: Số 25 ngõ 68, đường Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại : +84 4 73000911
Fax : +84 4 39424866

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHỆ CAO HÒA LẠC FPT (FPT HOALAC HIGH-TECH PARK DEVELOPMENT CO., LTD.)

Trụ sở chính: Tòa nhà FPT, Lô B2
Cụm sản xuất tiểu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ, đường Phạm Hùng,
Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: +84 4 73005678
Fax: +84 4 73006789

CÔNG TY TNHH BẤT ĐỘNG SẢN FPT (FPT LAND CO., LTD.)

Trụ sở chính: Tòa nhà FPT, Lô B2
Cụm sản xuất tiểu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ, đường Phạm Hùng,
Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại : +84 4 73006868
Fax : +84 4 73006060
Website : www.fpt-land.com

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT (FPT SECURITIES CO., LTD.)

Trụ sở chính: Tầng 2, 71 Nguyễn Chí Thanh, Quận Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: +84 4 37737070/6271 7171
Fax: +84 4 3773 9058
Website: www.fpts.com.vn

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN TIỀN PHONG (TIEN PHONG JOINT STOCK BANK)

Trụ sở chính: Tầng 1, tòa nhà FPT Cầu Giấy, đường Phạm Hùng, Quận Cầu giấy, Hà Nội
Điện thoại: +84 4 37764777
Fax: +84 4 37764768
Website: www.tpb.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ FPT (FPT CAPITAL JSC)

Trụ sở chính: Tầng 3, phòng 11 khách sạn Sofitel Palza, số 1 đường Thanh Niên, Quận Tây hồ, Hà Nội
Điện thoại: +84 4 73001313
Fax: +84 4 73011515
Website: www.fptcapital.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢNG CÁO FPT (FPT PROMO JSC)

Địa chỉ: 79Bis Điện Biên Phủ, Phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại : +84 8 38292965
Fax: +84 8 39100625
Website: www.fptpromo.com.vn

CÔNG TY TNHH TRUYỀN THÔNG VÀ GIẢI TRÍ FPT (FPT MEDIA CO., LTD.)

Trụ sở chính: tầng 5, Tòa nhà FPT, Lô B2
Cụm sản xuất tiểu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
đường Phạm Hùng, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: +84 4 73005566
Fax: +84 4 37689060

FPT toàn cầu

MALAYSIA

Địa chỉ: Suite 9.06, level 9, the Gardens North Tower, Mid Valley city, Lingkaran Syed Putra, 59200 Kuala Lumpur, Malaysia.
Điện thoại: 00603-2287 8086
Fax: 00603-2287 7086

MỸ

Địa chỉ: 177 Bovet Road, Suite 130, San Mateo, California, CA 94402
Điện thoại: 001-650-349-5000
Fax: 001-650-349-5005

Địa chỉ: 1370 Broadway, tầng 7, New York, NY 10018
Điện thoại: 001-212-418-4793
Fax: 001-212-317-8666

SINGAPORE

Địa chỉ: 116 Middle Road, # 09-03 ICB Enterprise House, Singapore 188972
Điện thoại: 65-6338-4353
Fax: 65-6338-1987

Địa chỉ: 409 E. William Cannon Dr #213, Austin, Texac, TX 78745
Điện thoại: +1 512 551 2755
Fax: +1 512 551 2756

AUSTRALIA

Địa chỉ: Tầng 39, số 2 Đường Park, NSW 2000, Sydney, Australia
Điện thoại: 0061-2-9004 7160
Fax: 0061-2-90047-070

NHẬT

Địa chỉ: Tokyo Tatemono Gotanda Building 8F Higashi Gotanda 1-6-3, Shinagawaku
Tokyo 141-0022, Nhật Bản
Điện thoại: 81-3-5789 2536
Fax: 81-3-5789 2537

PHÁP

Địa chỉ: Tour Pacific, 11-13 Cours de Valmy, Defense 7, 92977 Paris La Defense, France.
Điện thoại: 0033 (1) 7329 4749
Fax: 0033 (1) 7329 4500

Địa chỉ: Tòa nhà Chiyoda, East Tower 10F, 2-9-4 Higashi, Tenma, Kita ku, Osaka 530-0044, Nhật Bản
Điện thoại: 81-6-6356-1005
Fax: 81-6-6655-1166

